

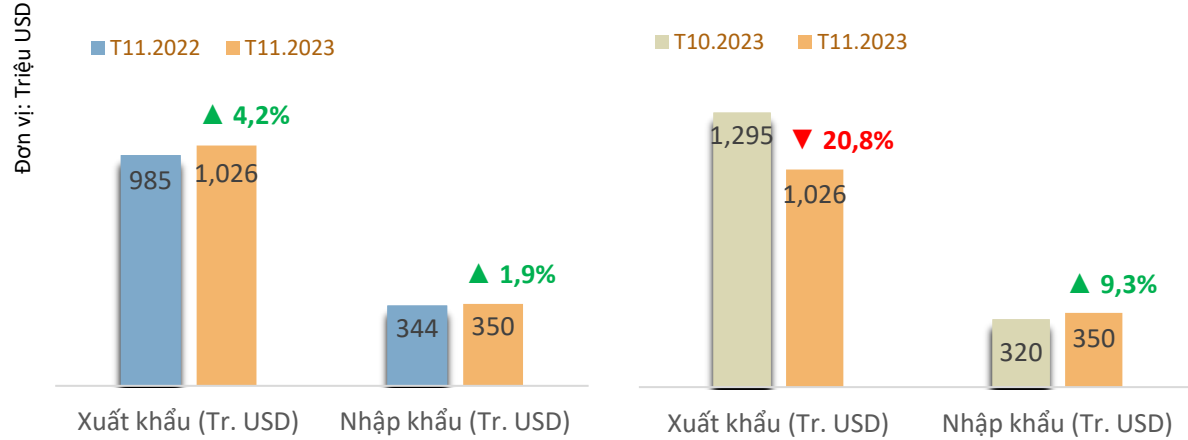
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

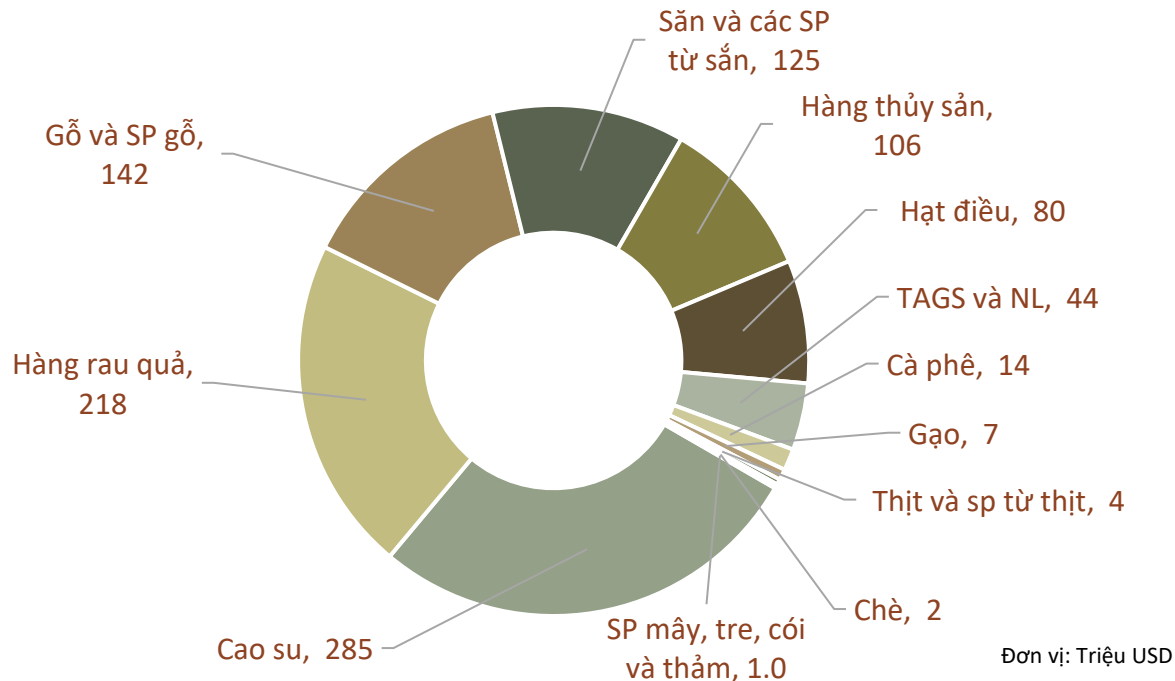


TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 11/2023

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Trung Quốc, T11/2023

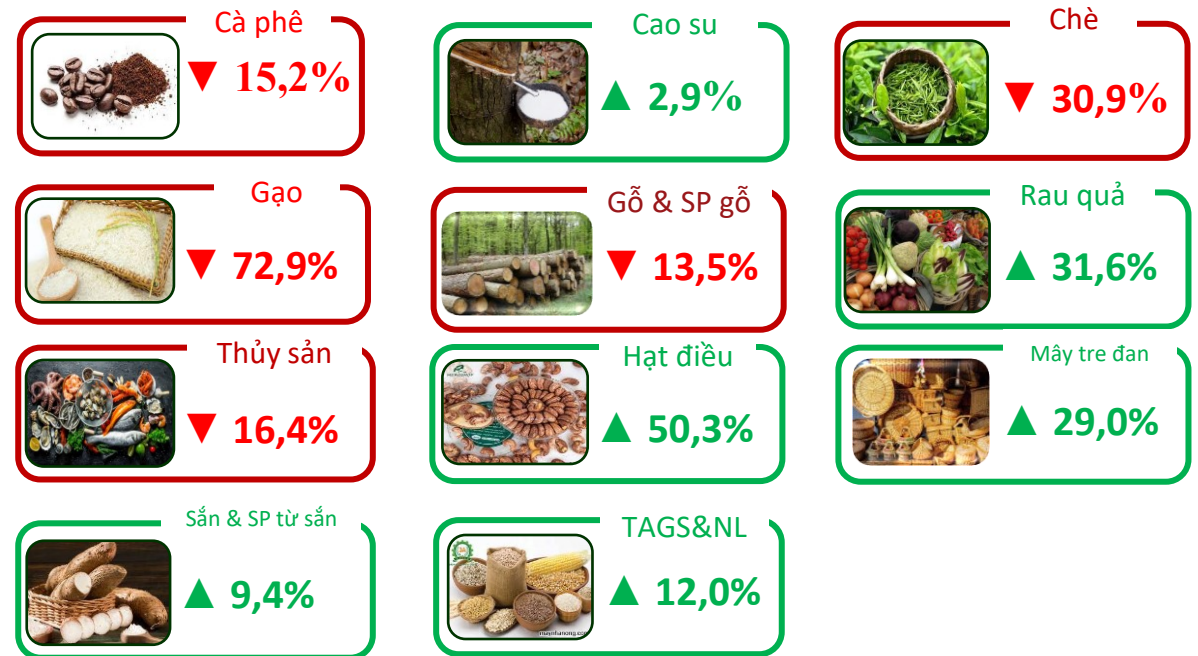


Kim ngạch XK NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T11/2023

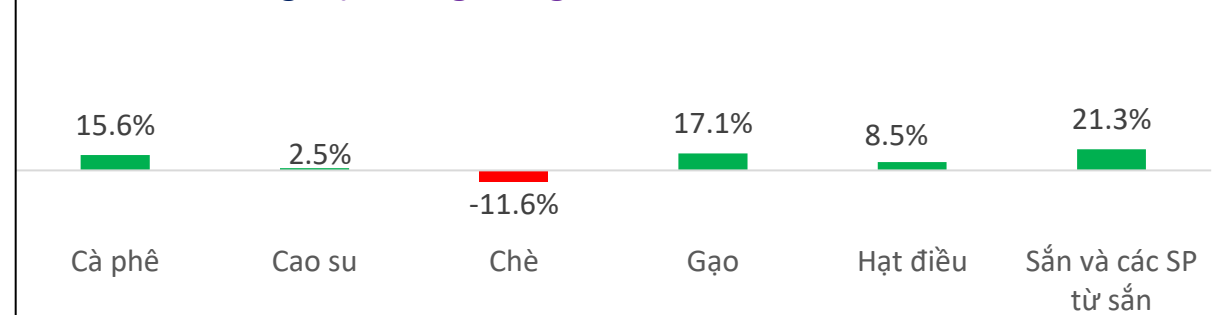


Biến động giá trị XK NLTS chính

sang thị trường Trung Quốc T11/2023 so với T11/2022



Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T11/2023 so với T11/2022



Kinh tế Trung Quốc phục hồi không đồng đều

Theo số liệu Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS) công bố ngày 22/12/2023, tính đến tháng 11 tháng năm 2023, đầu tư bất động sản ở nước này đã giảm 9,4% so với năm ngoái. Đầu tư tư nhân cũng giảm 0,5%, duy trì mức tăng trưởng âm trong bảy tháng liên tiếp.

Doanh số bán lẻ của Trung Quốc tăng

10,1% so với cùng kỳ năm ngoái; sản lượng công nghiệp tăng 6,6% và đầu tư tài sản cố định tăng 2,9%.

Tại Hội nghị Công tác Kinh tế Trung ương Trung Quốc vào cuối tháng 12, Bắc Kinh hứa hẹn tăng cường biện pháp hỗ trợ thúc đẩy kinh tế cho năm tới, đồng thời dự kiến đặt mục tiêu tăng trưởng GDP khoảng 5% vào năm 2024.



Nguồn: Dantri.com.vn

Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBoC) bơm 50 tỷ USD hỗ trợ nền kinh tế

PBoC đã bơm gần 50 tỷ USD vốn chi phí thấp vào các ngân hàng chính sách trong tháng 12/2023. Đây là đợt bơm tiền mạnh nhất của PBoC thông qua công cụ này kể từ tháng 11/2022.

Số tiền này được PBoC đưa vào các ngân hàng chính sách thông qua chương trình cho vay bổ sung có cam kết, vốn được coi là công cụ trực tiếp và hiệu quả để giới chức Trung Quốc hỗ trợ lĩnh vực bất động sản và ổn định tăng trưởng.

Các thị trường đang kỳ vọng PBoC sẽ sử dụng nguồn vốn nói trên để thúc đẩy xây dựng nhà ở xã hội nhằm giảm bớt tình

trạng suy yếu của lĩnh vực bất động sản, đồng thời hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong năm nay.



Nguồn: Vtv.vn

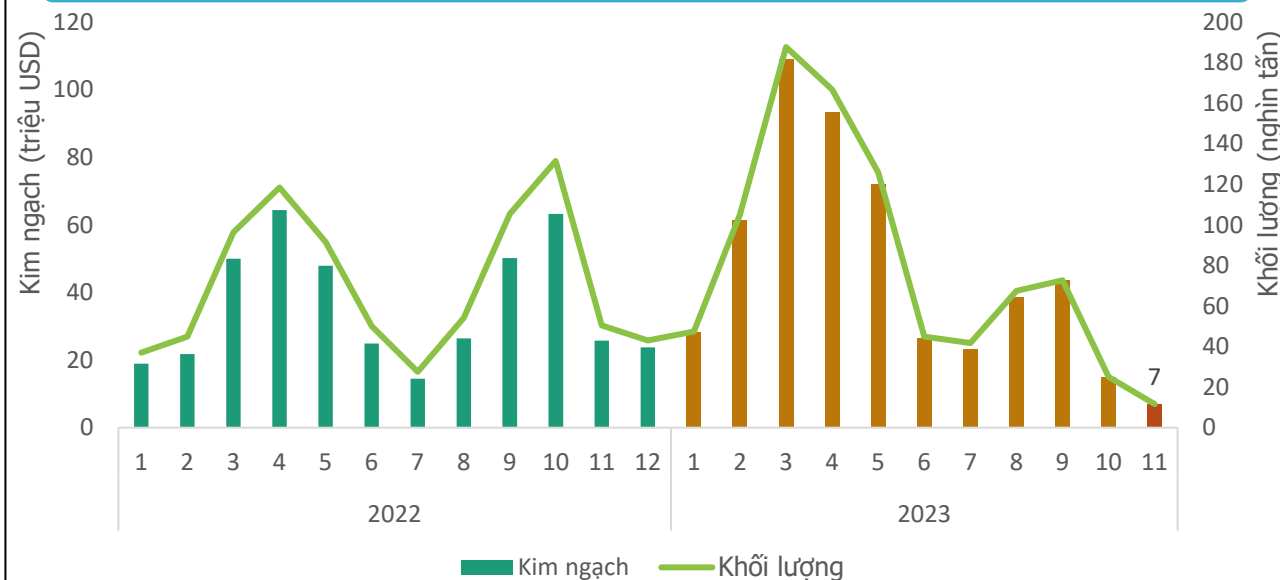


Tin liên quan



LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T11/2023

KIM NGẠCH

7,0 triệu USD



↘ Giảm **52,9%** so với T10/2023

↘ Giảm **72,9%** so với T11/2022

↘ Thấp hơn **29,0 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 11 tháng 2023 đạt **518,3 tr.USD**, đạt **119,9%** kim ngạch 2022

KHỐI LƯỢNG

11,7 nghìn tấn



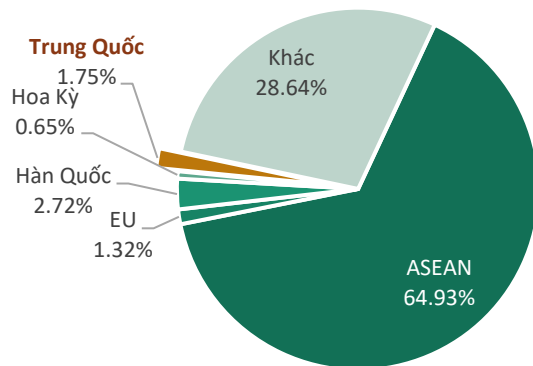
↘ Giảm **53,6%** so với T10/2023

↘ Giảm **76,9%** so với T11/2022

↘ Thấp hơn **59,2 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 11 tháng 2023 đạt **896,7 nghìn tấn**, đạt **105,4%** lượng năm 2022

Tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



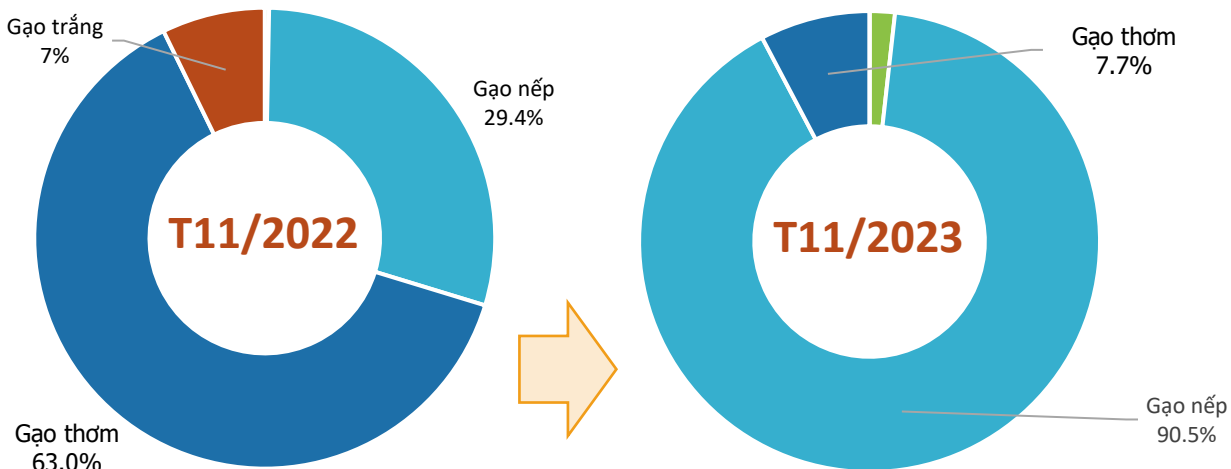
Biến động tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



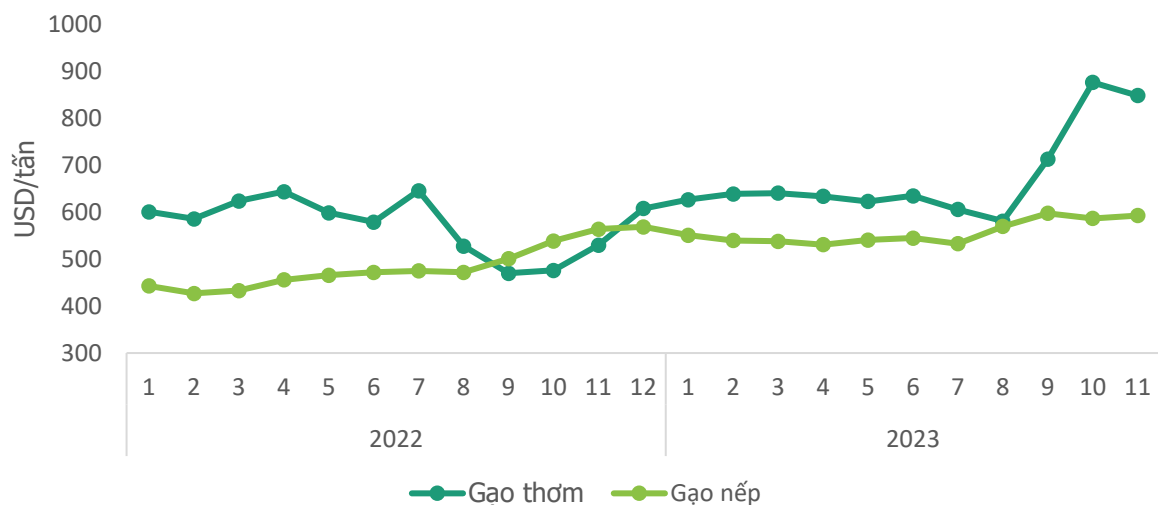


LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Gạo nếp

Kim ngạch: **6,3** triệu USD
Giảm **56%** so với T10/2023
Giảm **17%** so với T11/2022

Gạo thơm

Kim ngạch: **0,5** triệu USD
Giảm **21%** so với T10/2023
Giảm **97%** so với T11/2022

Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2023 ở mức **593** USD/tấn; **tăng 1%** so với tháng trước; và **tăng 5%** so với cùng kỳ năm 2022.

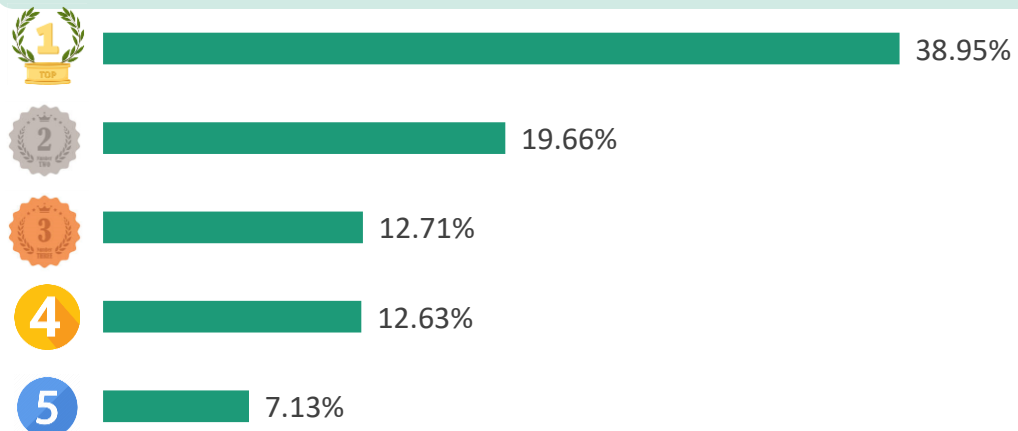
Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2023 ở mức **849** USD/tấn; **giảm 3%** so với tháng trước; và **tăng 60%** so với cùng kỳ năm 2022.

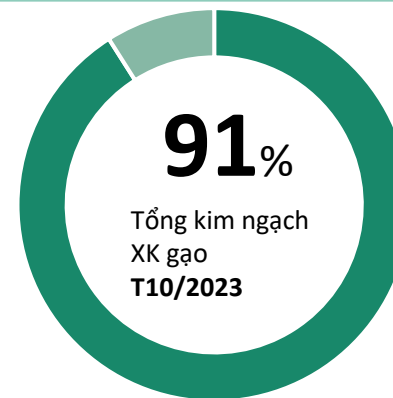


LÚA GẠO

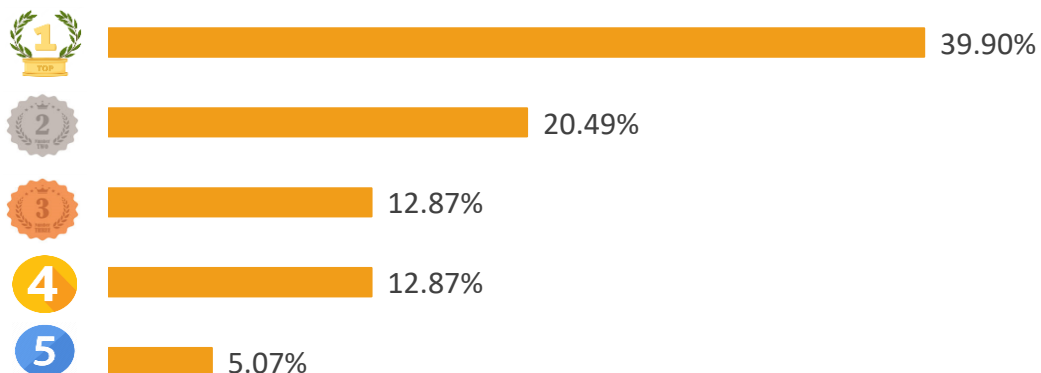
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



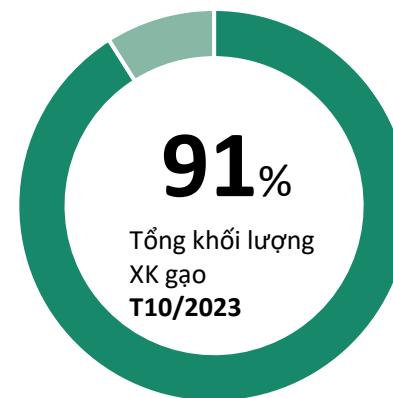
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T11/2023





LÚA GẠO



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO TRUNG QUỐC

Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong tháng 11 năm 2023, tổng lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc là 130.000 tấn, tăng 10.000 tấn so với tháng trước. Lũy kế 11 tháng của năm 2023, lượng nhập khẩu gạo đạt 2,4 triệu tấn, giảm 58,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nguồn: Sina

Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong tháng 10/2023, tổng lượng gạo xuất khẩu của Trung Quốc là 170.000 tấn, tăng 10.000 tấn so với tháng trước. Lũy kế 11 tháng trong năm 2023, lượng xuất khẩu gạo đạt 1,41 triệu tấn, giảm 30,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

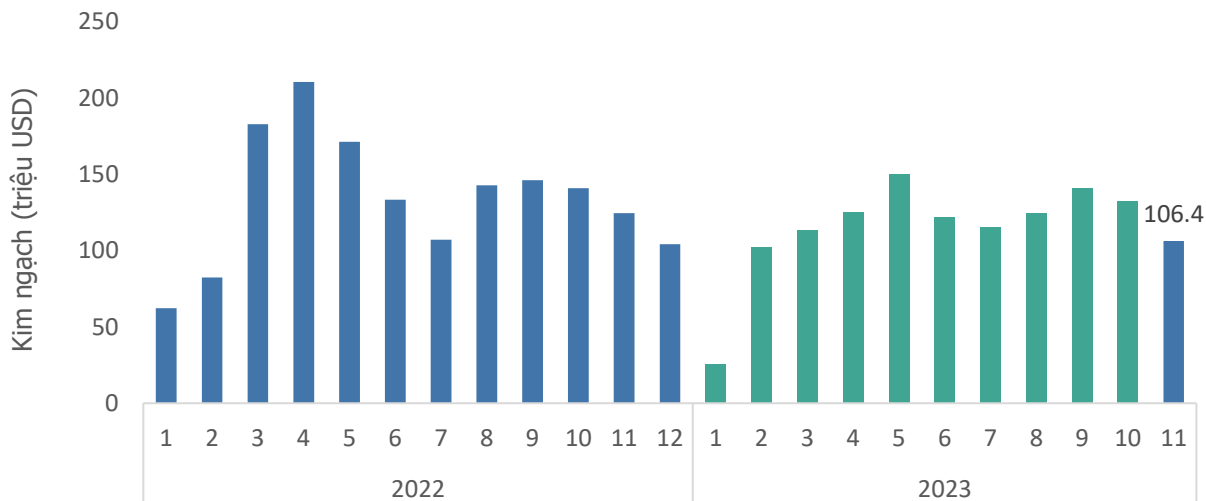
Nguồn: Sina





THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T11/2023

KIM NGẠCH

106,4 triệu USD



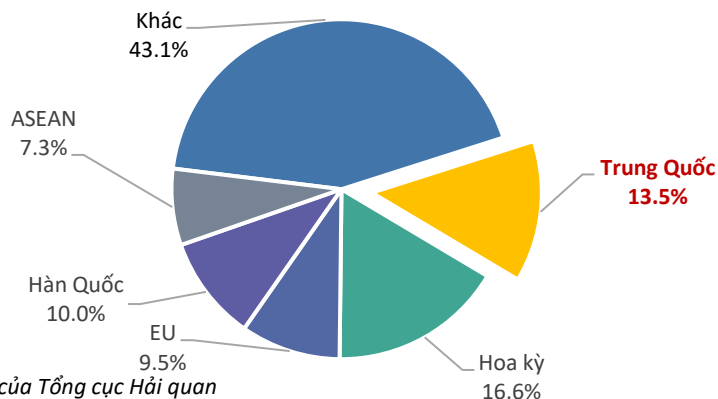
↘ Giảm **19,8%** so với T10/2023

↘ Giảm **14,7%** so với T11/2022

↓ Thấp hơn **27,7** triệu USD so với bình quân năm 2022

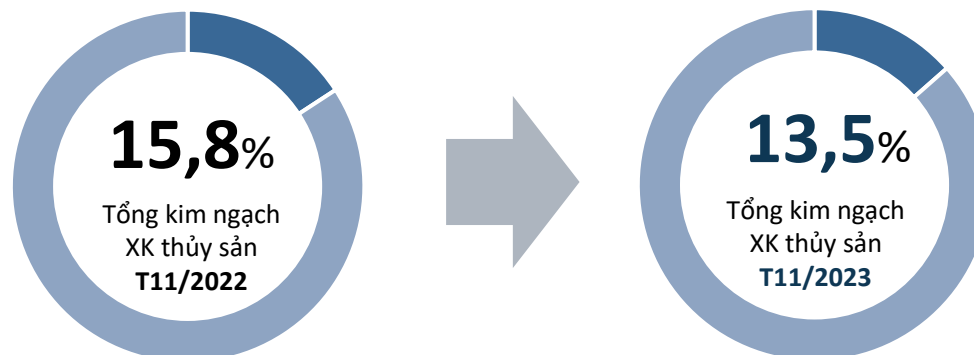
❖ Lũy kế 11 tháng 2023 đạt **1.258,4 tr.USD**, đạt **78,2%** kim ngạch 2022

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

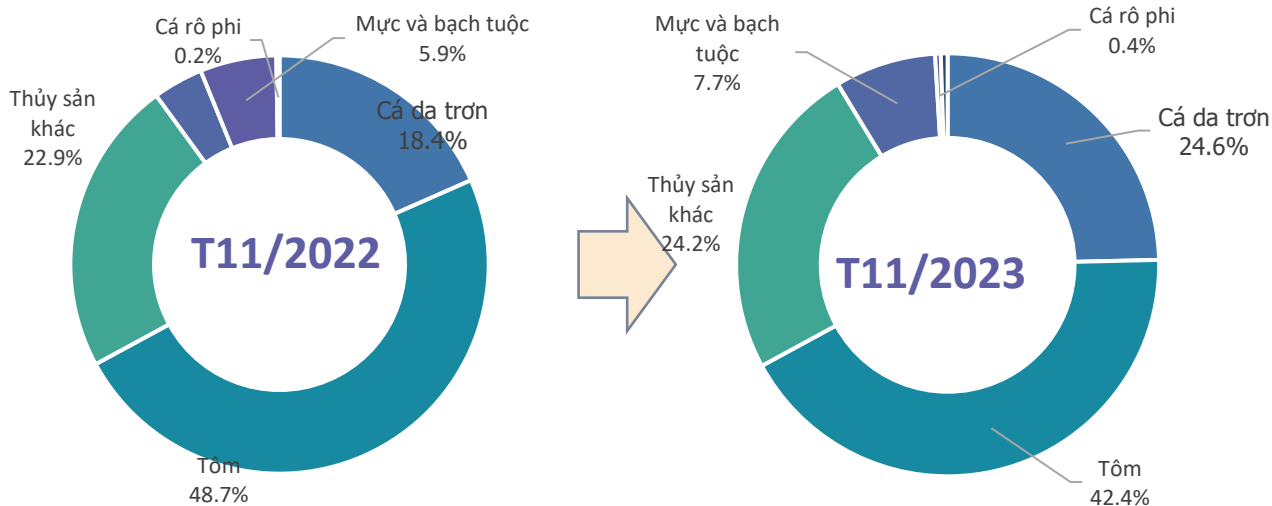
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



THỦY SẢN



Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Cá da trơn

Kim ngạch: **26,0** Triệu USD
Giảm **38,4%** so với T10/2023
Tăng **13,2%** so với T11/2022



Tôm

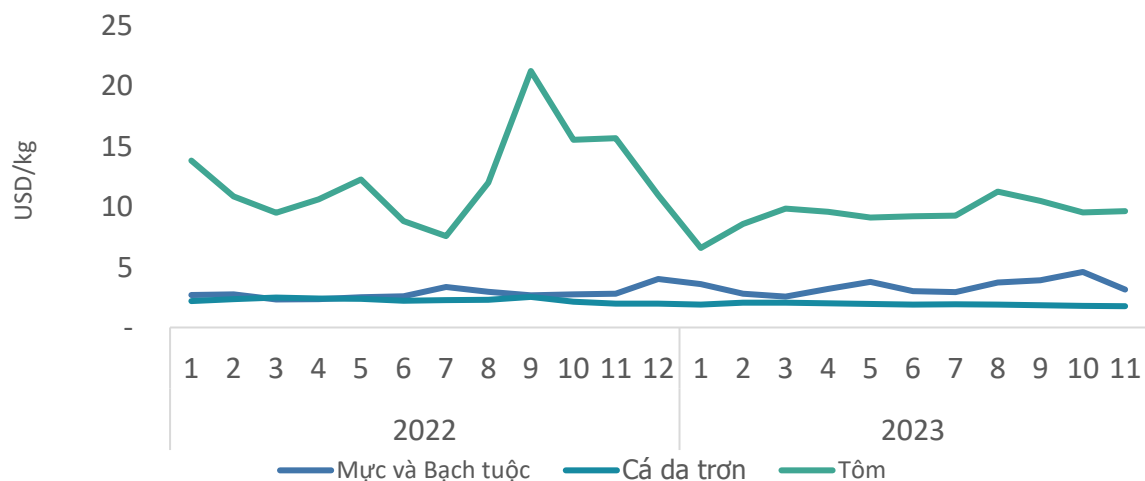
Kim ngạch: **44,8** Triệu USD
Giảm **17,8%** so với T10/2023
Giảm **26,3%** so với T11/2022



Mực và bạch tuộc

Kim ngạch: **8,2** Triệu USD
Tăng **4,7%** so với T10/2023
Tăng **10,8%** so với T11/2022

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2023 ở mức **3,1** USD/kg; **giảm 31,7%** so với tháng trước; và **tăng 12,4%** so với cùng kỳ năm 2022.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2023 ở mức **1,8** USD/kg; **giảm 1,4%** so với tháng trước; và **giảm 10,4%** so với cùng kỳ năm 2022.

Tôm

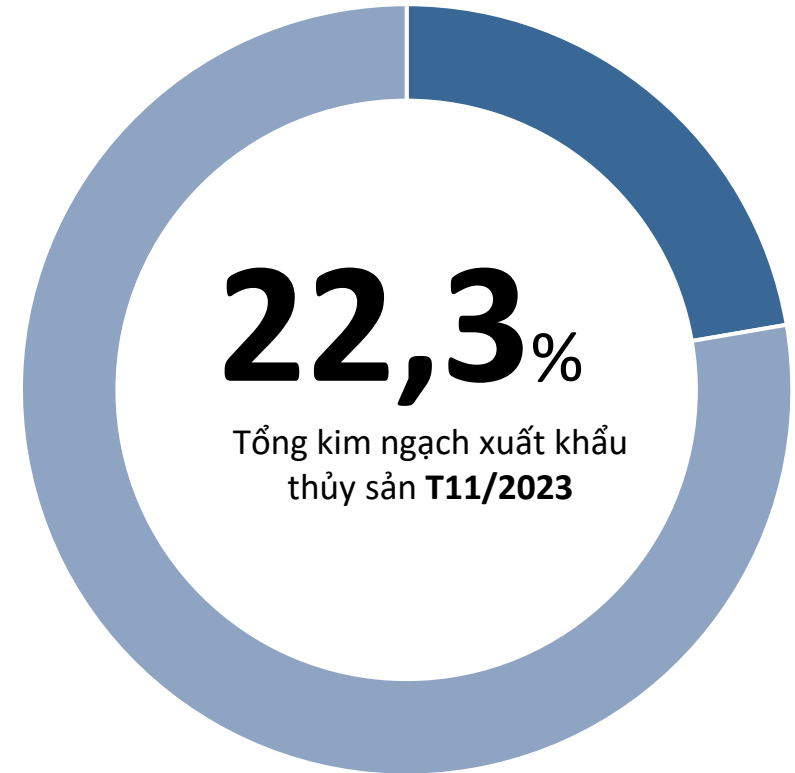
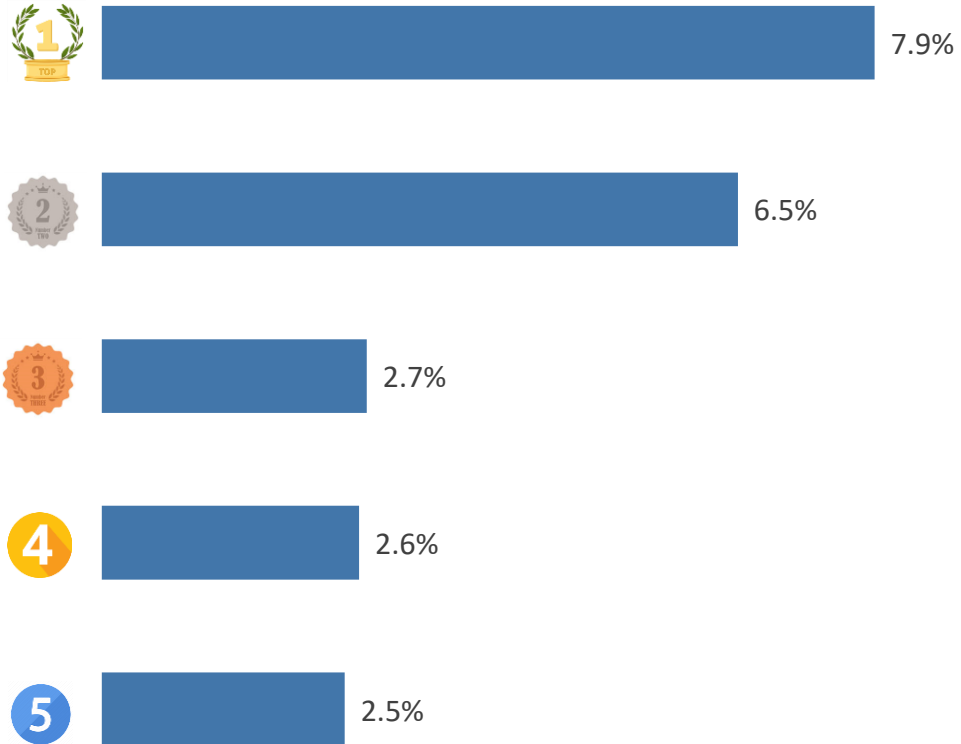
Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2023 ở mức **9,7** USD/kg; **tăng 1,2%** so với tháng trước; và **giảm 38,5%** so với cùng kỳ năm 2022.



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T11/2023

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Ngành cá rô phi của Trung Quốc gặp nhiều khó khăn trong năm 2023

Đại diện Công ty Qinfu Foods Hải Nam, một trong những công ty sản xuất cá rô phi hàng đầu Trung Quốc, cho biết ngành cá rô phi đang đi xuống do giá bán xuống thấp trong khi chi phí thức ăn tăng cao. Người nuôi rô phi Trung Quốc ngày càng bắt nhịp với những mô hình nuôi mật độ cao, một số nơi thả giống lên tới 150.000 con/ha, cao hơn rất nhiều so với mật độ truyền thống 30.000 – 40.000. Chính điều này sẽ dẫn tới giảm chất lượng và tăng dịch bệnh. Do đó công ty khuyến nghị người nuôi nên có sự cân nhắc và thả nuôi phù hợp, đồng thời không khuyến khích gia tăng sản xuất khi nhu cầu thị trường chưa ổn định. Năm 2019, rô phi Trung Quốc chiếm 69% tổng khối lượng rô phi nhập khẩu vào thị trường Mỹ. Tuy nhiên, đại diện công ty cho rằng con số này sẽ giảm xuống còn 50 – 60% vào cuối năm 2023.

Nguồn: Vasep

Khai thác và nhập khẩu mực tăng nhưng tiêu thụ nội địa giảm

Trung Quốc từ lâu đã đánh bắt mực ở khu vực nước ngoài, đặc biệt vùng Nam Mỹ. Năm 2023, sản lượng mực của Trung Quốc ước đạt 757.000 tấn. Đồng thời, nhập khẩu mực ống vào Trung Quốc tăng lên 350.000 tấn trong 9 tháng của năm 2023, tăng 4,8% cùng kỳ năm 2022. Tuy nhiên tiêu thụ mực tại nội địa Trung đang giảm gây khó khăn cho các doanh nghiệp vì tồn kho ngày càng tăng. Do đó triển vọng thị trường mực ở Trung Quốc khá ảm đạm trong năm tới.

Nguồn: Vasep

Giá tôm nội địa của Trung Quốc dự kiến tăng

Trong những tháng cuối năm, điều kiện thời tiết các tỉnh phía bắc Trung Quốc trở nên khắc nghiệt với nhiệt độ giảm thấp. Cùng với đó, tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp tại khu vực phía nam gây ảnh hưởng đến tổng sản lượng tôm chân trắng trên cả nước. Theo thống kê, hiện khoảng 30% ao nuôi tôm tại khu vực đồng bằng sông Châu Giang đang chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh EHP. Nguồn cung tôm giảm mạnh khiến cho giá tôm tăng trở lại. Tuy vậy, tôm nội địa vẫn đang chịu áp lực cạnh tranh lớn từ tôm đông lạnh nhập khẩu. Người tiêu dùng Trung Quốc hiện nay có xu hướng ưa chuộng tôm đông lạnh thay vì tôm tươi sống. Các sản phẩm tôm đông lạnh Ecuador giá rẻ hiện đang được phân phối rất rộng rãi trên các sàn thương mại điện tử.

Nguồn: Vasep



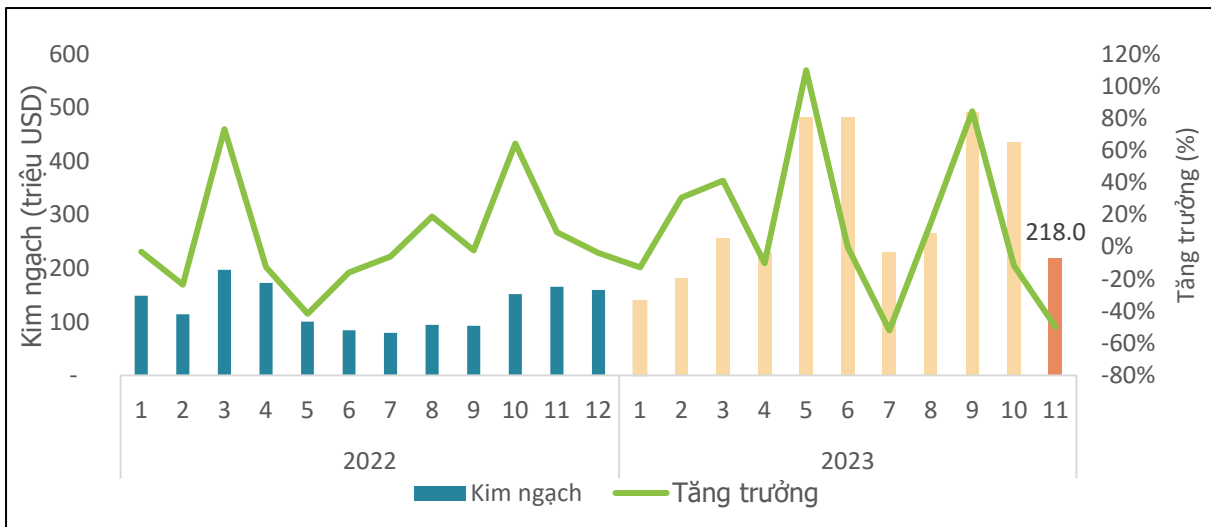
Tin liên quan





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T11/2023

KIM NGẠCH



218,0

triệu USD

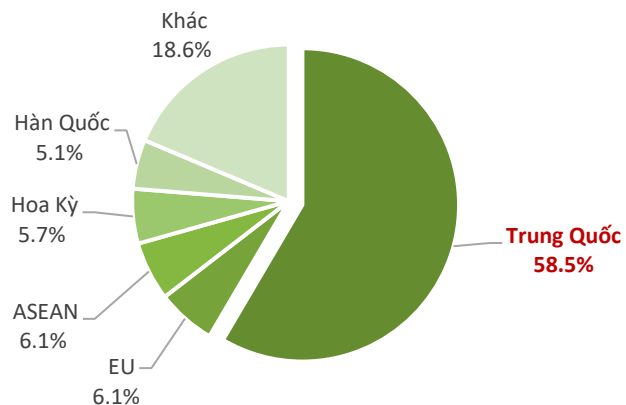
Giảm **49,9%** so với T10/2023

Tăng **31,6%** so với T11/2022

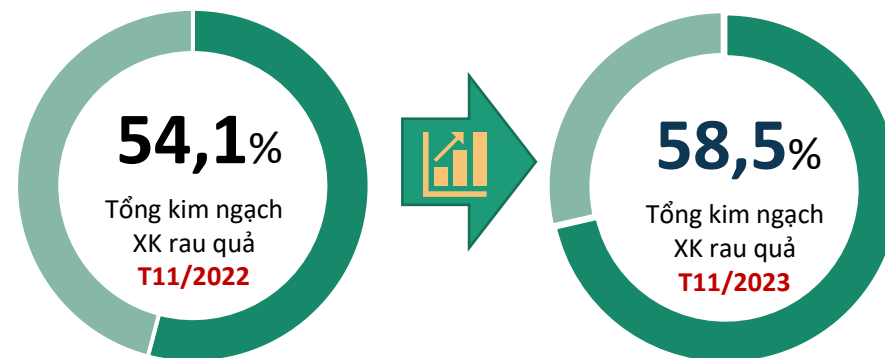
Cao hơn **90,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

Lũy kế 11 tháng 2023 đạt **3,4** tỷ USD, đạt **222,8%** kim ngạch 2022

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam XK sang Trung Quốc, T11/2023

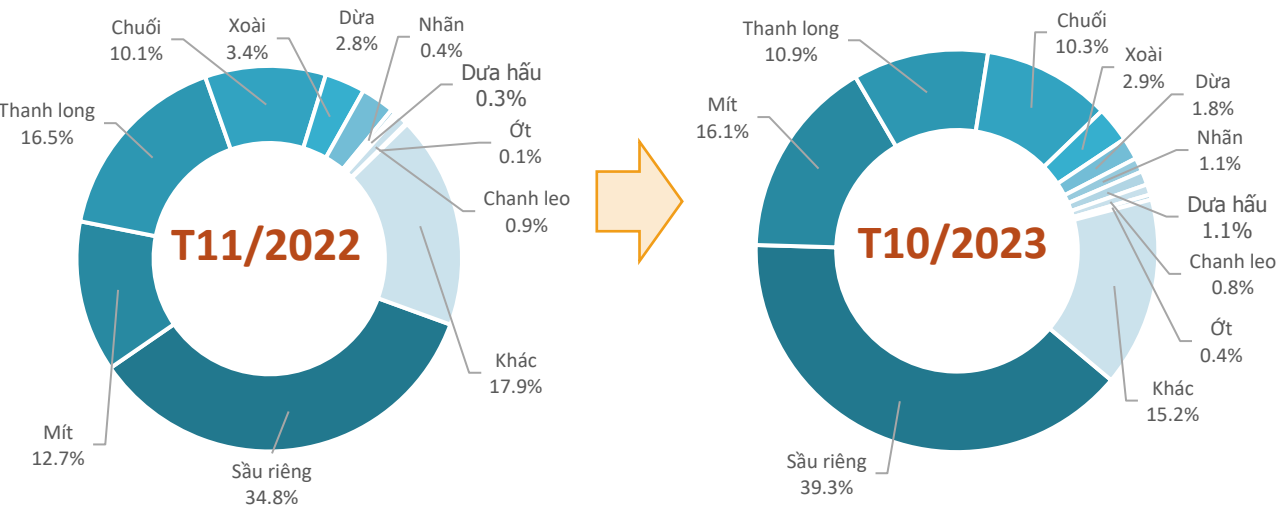


Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang Trung Quốc, T11/2023



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả XK sang Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T11/2023



Sầu riêng

Kim ngạch: **83,1** triệu USD
Giảm **74,5%** so với T10/2023
Tăng **33,9%** so với T11/2022



Mít

Kim ngạch: **34,0** triệu USD
Tăng **61,1%** so với T10/2023
Tăng **50,6%** so với T11/2022



Thanh long

Kim ngạch: **23,0** triệu USD
Giảm **34,0%** so với T10/2023
Giảm **21,7%** so với T11/2022



Chuối

Kim ngạch: **21,7** triệu USD
Tăng **162,2%** so với T10/2023
Tăng **20,4%** so với T11/2022



Xoài

Kim ngạch: **6,0** triệu USD
Tăng **39,0%** với T10/2023
Tăng **0,02%** so với T11/2022



Dừa

Kim ngạch: **3,8** triệu USD
Tăng **8,8%** so với T10/2023
Giảm **25,1%** so với T11/2022



Nhãn

Kim ngạch: **2,4** triệu USD
Tăng **38,1%** với T10/2023
Tăng **236,6%** so với T11/2022



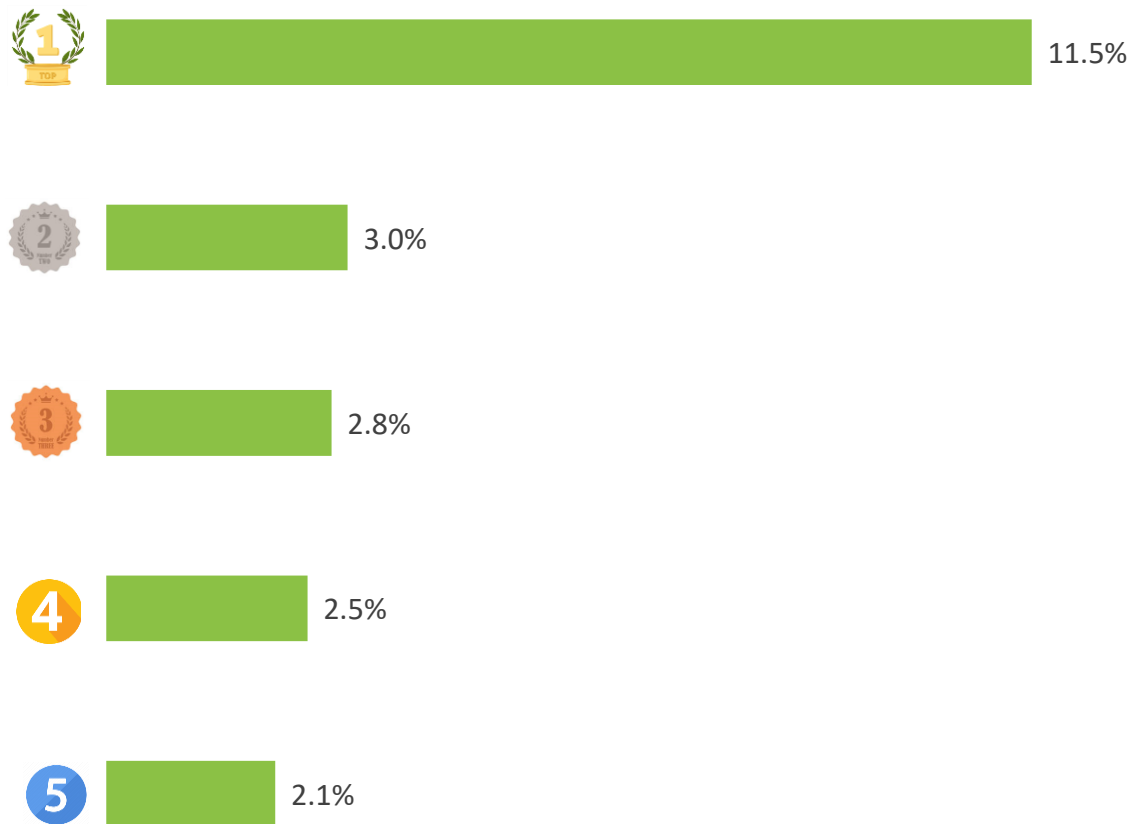
Dừa hấu

Kim ngạch: **2,3** triệu USD
Tăng **332,6%** so với T11/2022

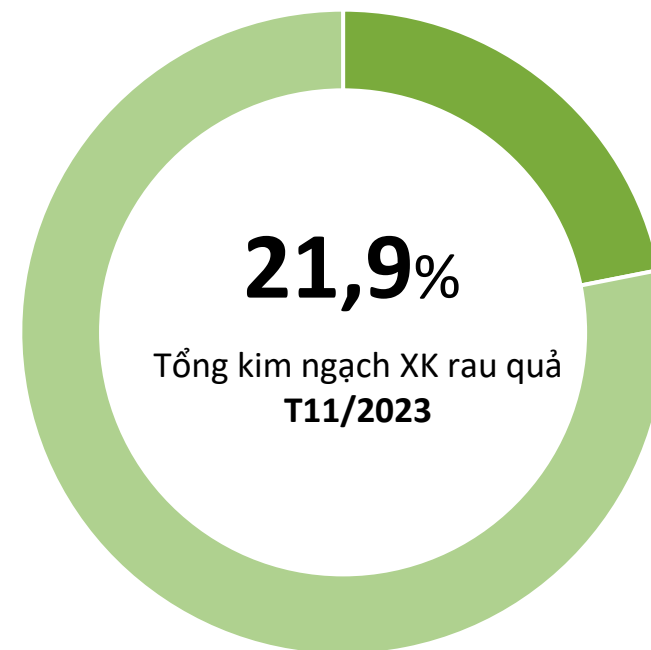


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu
sang Trung Quốc, T11/2023



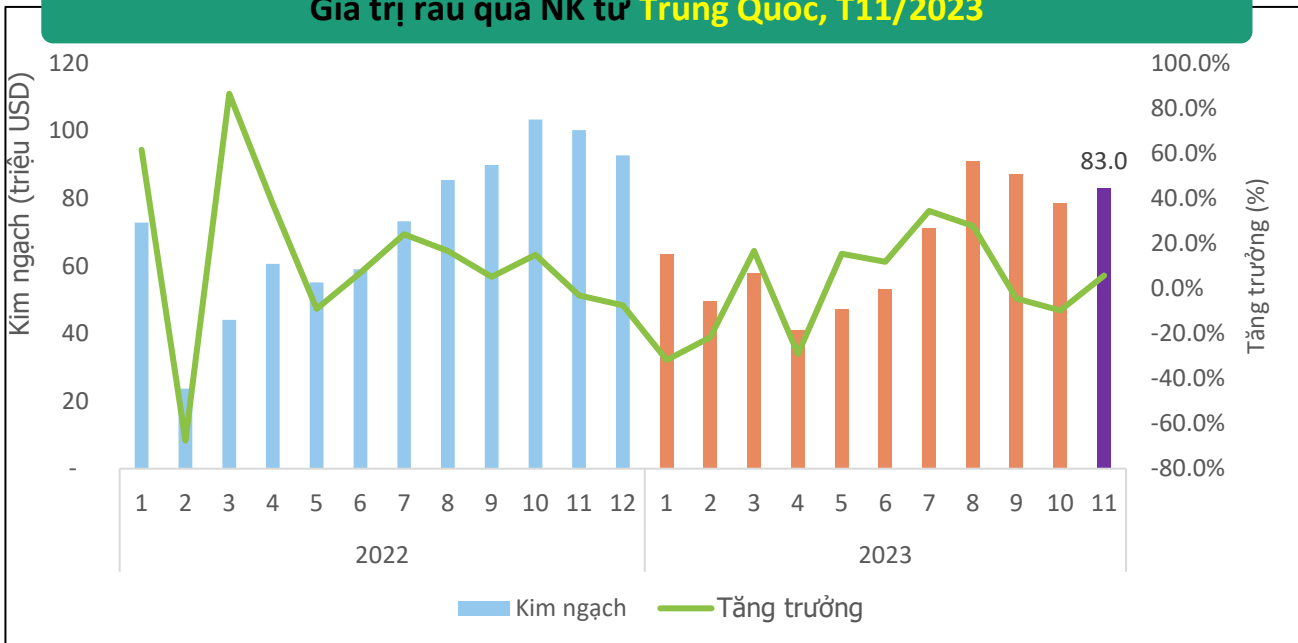
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu
sang Trung Quốc, T11/2023





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T11/2023



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T11/2023

KIM NGẠCH



83,0

triệu USD

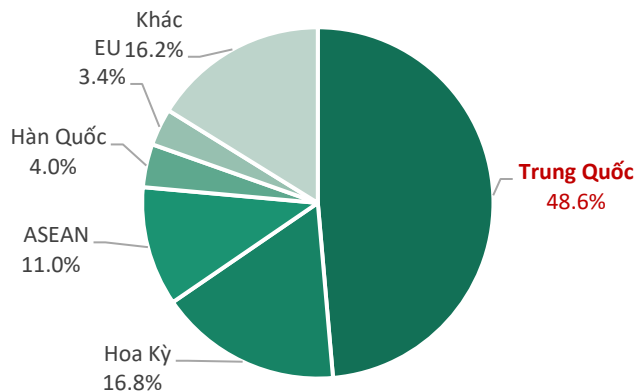
Tăng **5,7%** so với T10/2023

Giảm **17,2%** so với T11/2022

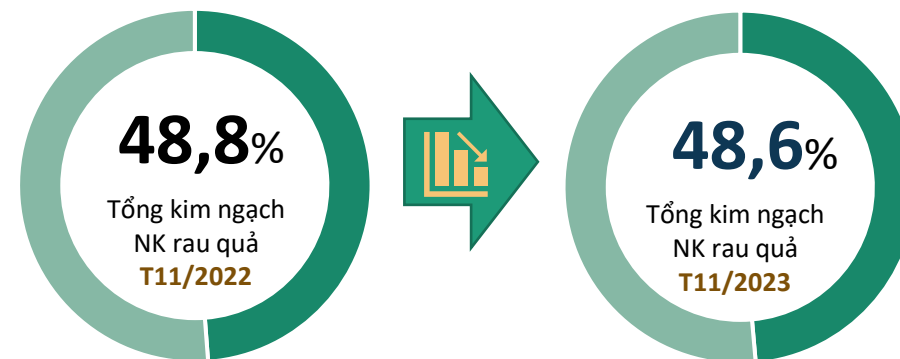
Cao hơn **11,5 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

Lũy kế 11 tháng 2023 đạt **722,4** triệu USD, đạt **84,2%** kim ngạch 2022

Tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T11/2023



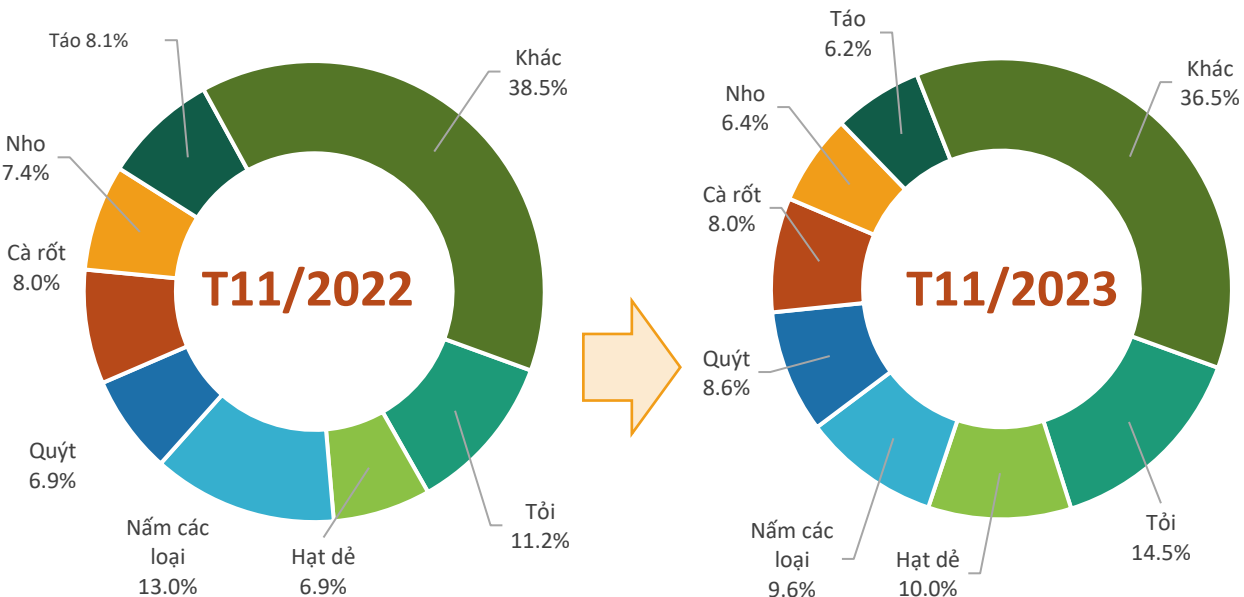
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T11/2023





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ Trung Quốc, T11/2023



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T11/2023



Tỏi

Kim ngạch: **12,1** triệu USD
 Tăng **23,9%** so với T10/2023
 Tăng **7,3%** so với T11/2022



Hạt dẻ

Kim ngạch: **8,3** triệu USD
 Tăng **44,7%** so với T10/2023
 Tăng **21,2%** so với T11/2022



Nấm các loại

Kim ngạch: **7,98** triệu USD
 Tăng **21,3%** so với T10/2023
 Giảm **38,5%** so với T11/2022



Quýt

Kim ngạch: **7,1** triệu USD
 Tăng **301,4%** so với T10/2023
 Tăng **3,2%** so với T11/2022



Cà rốt

Kim ngạch: **6,7** triệu USD
 Tăng **10,9%** so với T10/2023
 Giảm **17,0%** so với T11/2022



Nho

Kim ngạch: **5,3** triệu USD
 Giảm **41,6%** so với T10/2023
 Giảm **29,0%** so với T11/2022



Táo

Kim ngạch: **5,2** triệu USD
 Tăng **5,1%** so với T10/2023
 Giảm **35,8%** so với T11/2022



Theo Báo cáo "Tổng quan về thương mại sầu riêng toàn cầu năm 2023" do Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc công bố, xuất khẩu sầu riêng toàn cầu đã tăng hơn 10 lần trong 10 năm qua, từ khoảng 80.000 tấn năm 2003 lên khoảng 870.000 tấn vào năm 2022 do nhu cầu của Trung Quốc tăng mạnh.

Các quốc gia xuất khẩu sầu riêng nhiều nhất là Thái Lan (chiếm hơn 90% khối lượng xuất khẩu sầu riêng toàn cầu), Việt Nam (khoảng 3%), Malaysia (khoảng 3%), Philippines và Indonesia cũng xuất khẩu với số lượng nhỏ.

Nguồn: Guojiguoshu.com

Theo Thông báo số 174 năm 2023 của Tổng cục Hải Quan Trung Quốc, đào và mơ từ Kazakhstan được phép nhập khẩu vào Trung Quốc từ ngày 1/12/2023 nếu đáp ứng yêu cầu liên quan.

Nguồn: Guojiguoshu.com



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ TRUNG QUỐC

Theo Hải quan Trung Quốc, khối lượng nhập khẩu trái cây trong 10 tháng của năm 2023 của Trung Quốc đạt 6,85 triệu tấn (tăng gần 220.000 tấn so với cùng kỳ năm 2022), giá trị đạt 115 tỷ CNY (khoảng 15,9 tỷ USD).

Ba loại trái cây dẫn đầu về khối lượng nhập khẩu là chuối, sầu riêng tươi và dứa, với khối lượng lần lượt đạt 1,46 triệu tấn, 1,36 triệu tấn và 1,01 triệu tấn. Khối lượng nhập khẩu sầu riêng tươi không bằng chuối nhưng giá trị nhập khẩu đạt 44,8 tỷ CNY (khoảng 6,2 tỷ USD), chiếm 38,9% tổng giá trị nhập khẩu.

Nguồn: Guojiguoshu.com

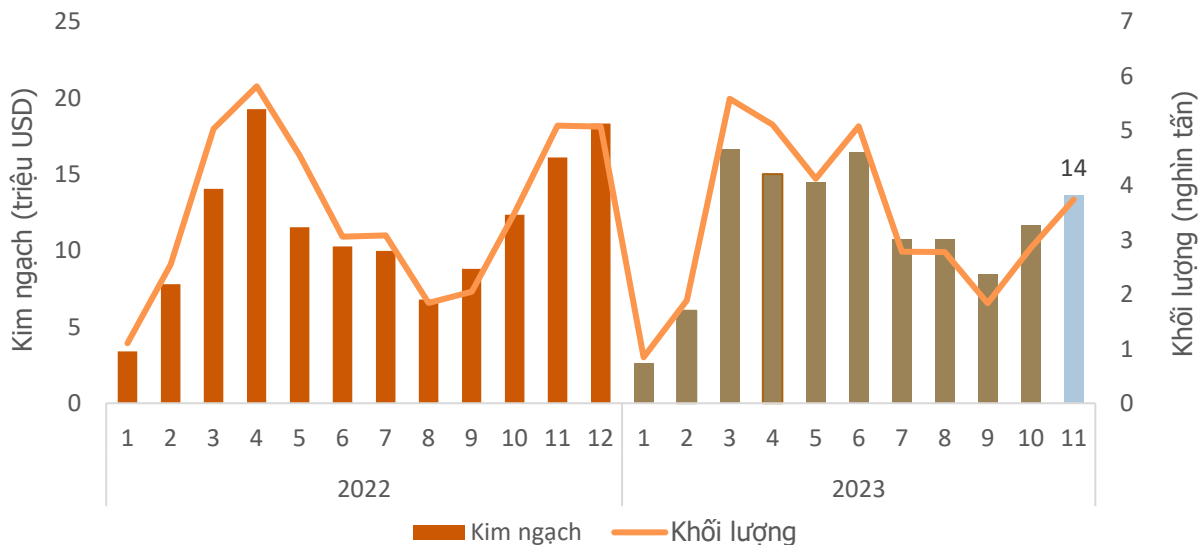
Theo đại diện Hiệp hội Rau quả Việt Nam (Vinafruit), tình hình kinh tế đang có nhiều biến động, khả năng người dân Trung Quốc cũng sẽ thắt chặt chi tiêu, dẫn đến việc tăng trưởng trong xuất khẩu sầu riêng trong năm tới không quá đột biến. Ngoài ra, Malaysia cũng sẽ được xuất khẩu sầu riêng tươi sang Trung Quốc từ khoảng tháng 5/2024. Do đó, xuất khẩu rau quả Việt Nam năm 2024 sẽ cán mốc 6 tỷ USD.

Nguồn: Congthuong.vn

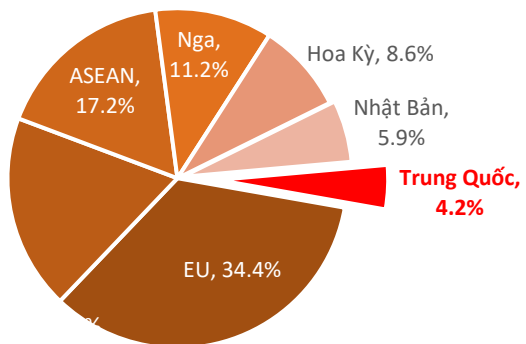


CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê XK sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Tỷ trọng giá trị cà phê sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T11/2023

KIM NGẠCH

13,7 triệu USD

↗ Tăng **17,2%** so với T10/2023

↘ Giảm **15,2%** so với T11/2022

↗ Cao hơn **2,1 triệu USD** so với bình quân năm 2022

❖ Lũy kế 11 tháng 2023 đạt **126,5** tr.USD, đạt **91,2%** kim ngạch 2022

KHỐI LƯỢNG

3,7 nghìn tấn

↗ Tăng **31,1%** so với T10/2023

↘ Giảm **26,6%** so với T11/2022

↗ Cao hơn **0,2 nghìn tấn** so với bình quân năm 2022

❖ Lũy kế 11 tháng 2023 đạt **36,6** nghìn tấn, đạt **85,6%** lượng năm 2022

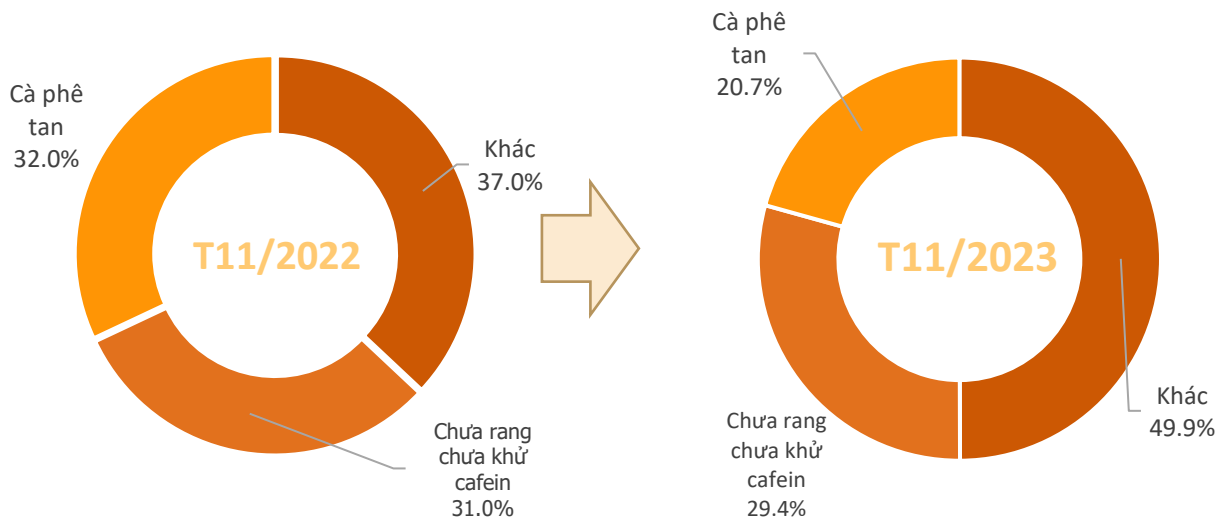
Biến động tỷ trọng giá trị cà phê sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



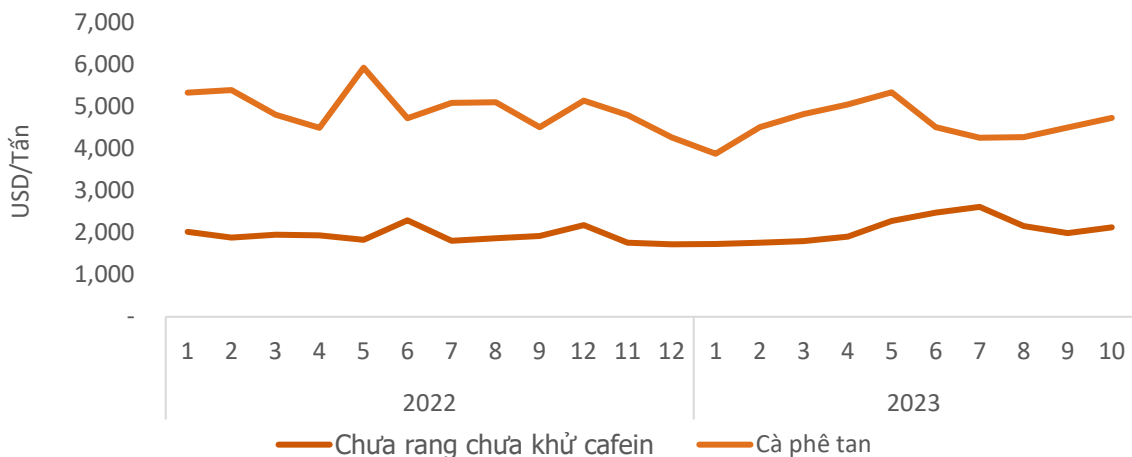


CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê XK sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Chưa rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **4** Triệu USD

Tăng **84,6%** so với T10/2023

Giảm **20,1%** so với T11/2022



Cà phê tan

Kim ngạch: **2,8** Triệu USD

Giảm **32,6%** so với T10/2023

Giảm **45,4%** so với T11/2022



Cà phê khác

Kim ngạch: **6,8** Triệu USD

Tăng **51,8%** so với T10/2023

Tăng **14,9%** so với T11/2022

Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2023 ở mức **4.063** USD/tấn; **giảm 13,9%** so với tháng trước; và **giảm 15,2%** so với cùng kỳ năm 2022.

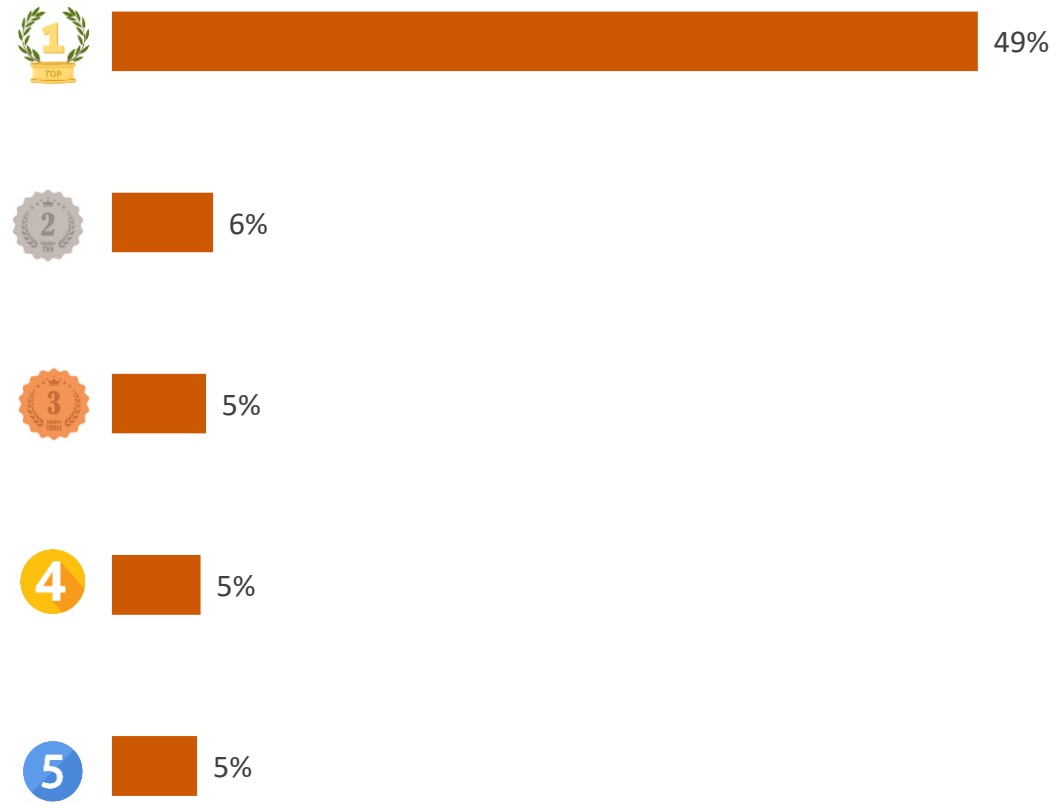
Cà phê chưa rang chưa khử cafein

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2023 ở mức **2.369** USD/tấn; **tăng 11,4%** so với tháng trước; và **tăng 34,6%** so với cùng kỳ năm 2022.

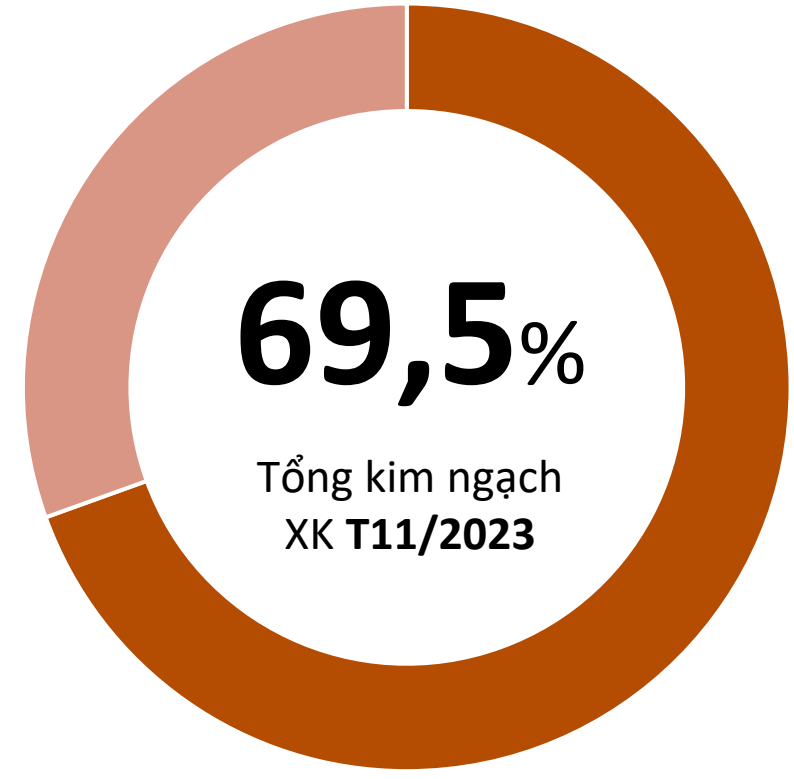


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan



Theo World Coffee Portal, Trung Quốc đã vượt Hoa Kỳ trở thành thị trường có số lượng chuỗi cửa hàng cà phê lớn nhất thế giới, đạt 49.691 cửa hàng cao hơn 9.629 cửa hàng so với Hoa Kỳ. Sự tăng trưởng ở Trung Quốc chủ yếu do số lượng cửa hàng của Luckin Coffee và Cotti Coffee đã tăng trưởng nhanh chóng. Tính đến tháng 10/2023, Luckin có 13.273 cửa hàng, trở thành chuỗi cửa hàng cà phê lớn nhất tại quốc gia này. World Coffee Portal dự báo tốc độ tăng trưởng của cửa hàng cà phê có thương hiệu tại Trung Quốc sẽ đạt 24% vào năm 2024 và giảm dần xuống 6% vào năm 2028.

Nguồn: World Coffee Portal (12/2023)

Theo Hải quan Trung Quốc, trong 10 tháng của năm 2023, sản lượng cà phê nhập khẩu của nước này đạt 113,54 nghìn tấn, trị giá 624,79 triệu USD, tăng 10,7% về lượng và tăng 4,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, cà phê chưa rang hoặc chưa khử caffeine (HS 0901.1100), đạt 101,44 nghìn tấn, trị giá 464 triệu USD, tăng 14,6% về lượng và tăng 12,3% về giá trị. Cà phê rang, chưa khử caffein (HS 0901.2100) đạt 11,51 nghìn tấn, giảm 12,6% về lượng và giảm 10,9% về giá trị.

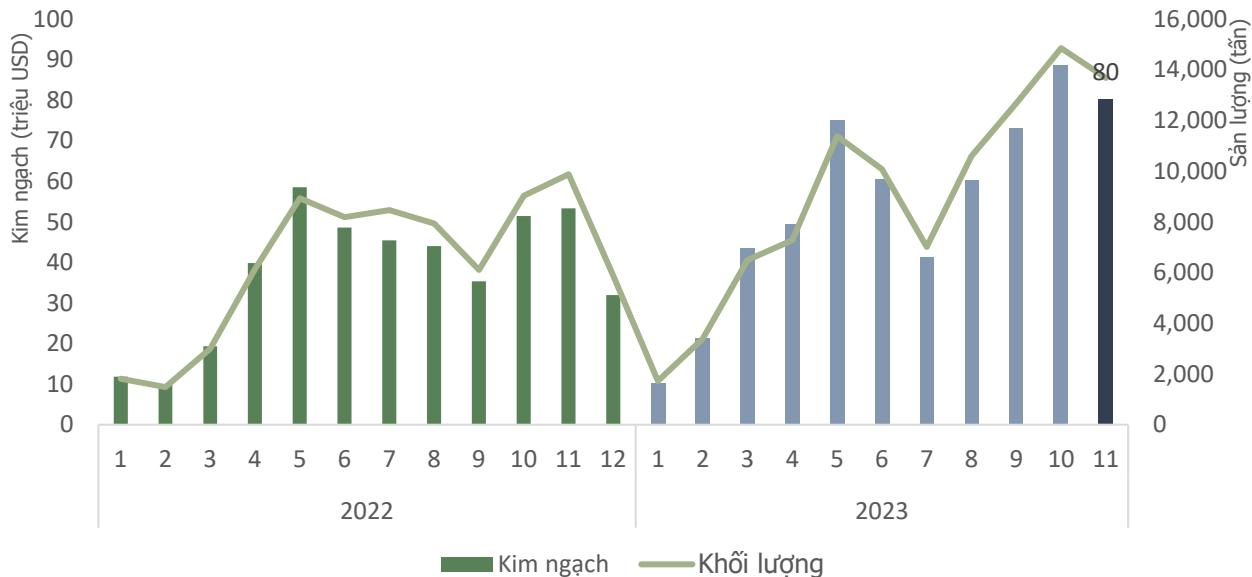
Nguồn: congthuong.vn(11/2023)





ĐIỀU

Khối lượng và giá trị điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc, T11/2023

KIM NGẠCH

80,2 triệu USD

↘ Giảm **10%** so với T10/2023

↗ Tăng **50%** so với T11/2022

↑ Cao hơn **42,8 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 11 tháng 2023 đạt **603,9 tr.USD**, đạt **134%** kim ngạch 2022

KHỐI LƯỢNG

13,7 nghìn tấn

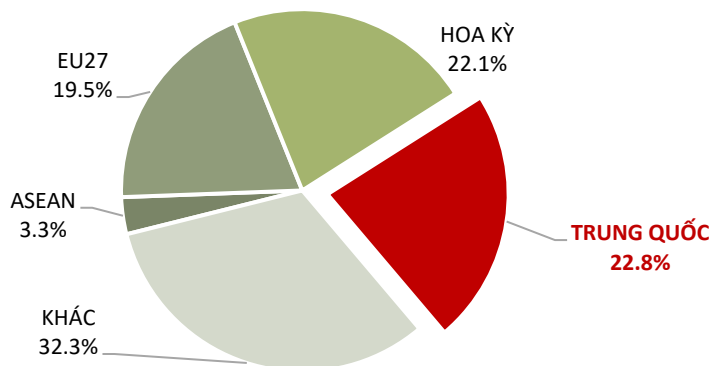
↘ Giảm **8%** so với T10/2023

↗ Tăng **38%** so với T11/2022

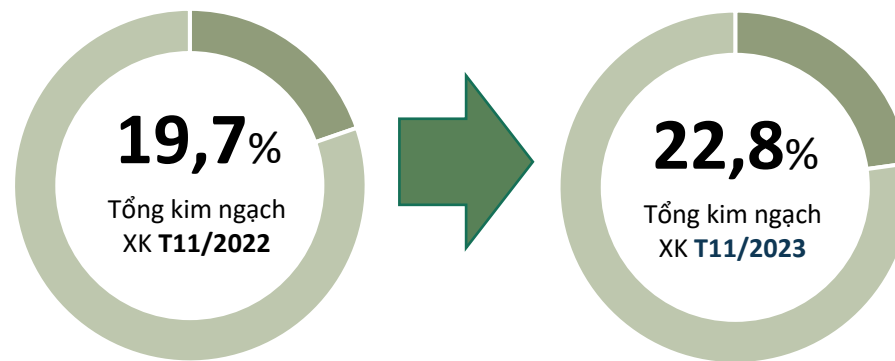
↑ Cao hơn **7,3 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 11 tháng 2023 đạt **99,2 nghìn tấn**, đạt **129%** khối lượng năm 2022

Tỷ trọng giá trị điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



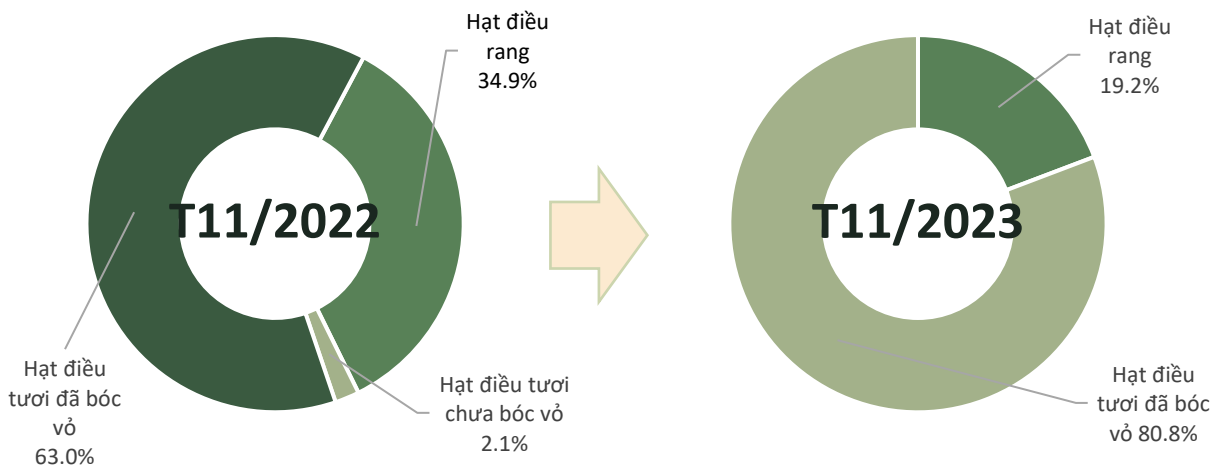
Biến động tỷ trọng giá trị điều của VN sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



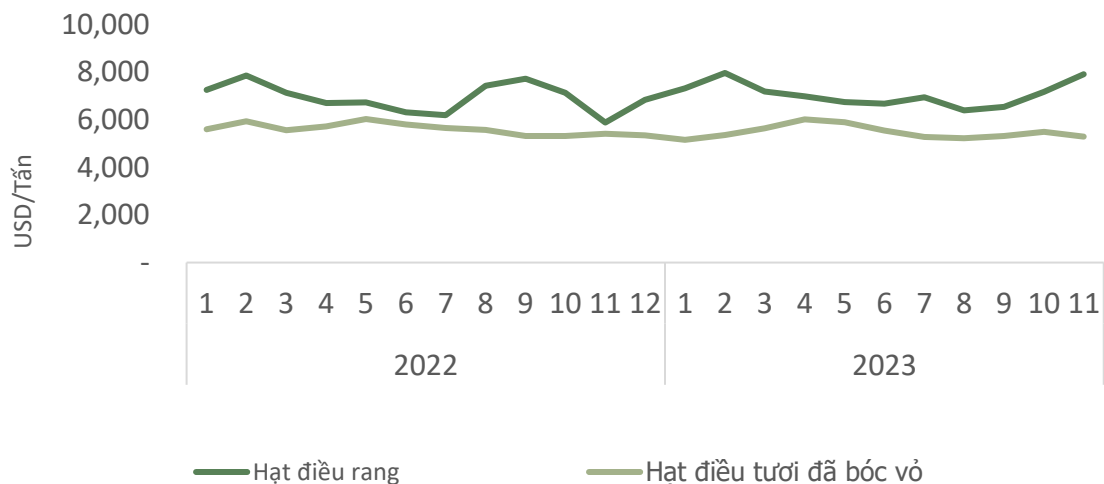


ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Giá điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **64,9** triệu USD

Giảm **2%** so với T10/2023

Tăng **91%** so với T11/2022



Điều rang

Kim ngạch: **15,5** triệu USD

Giảm **31%** so với T10/2023

Giảm **18%** so với T11/2022

Điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2023 ở mức **5.285 USD/tấn**; giảm **3,6%** so với tháng trước; và giảm **2,2%** so với cùng kỳ năm 2022.

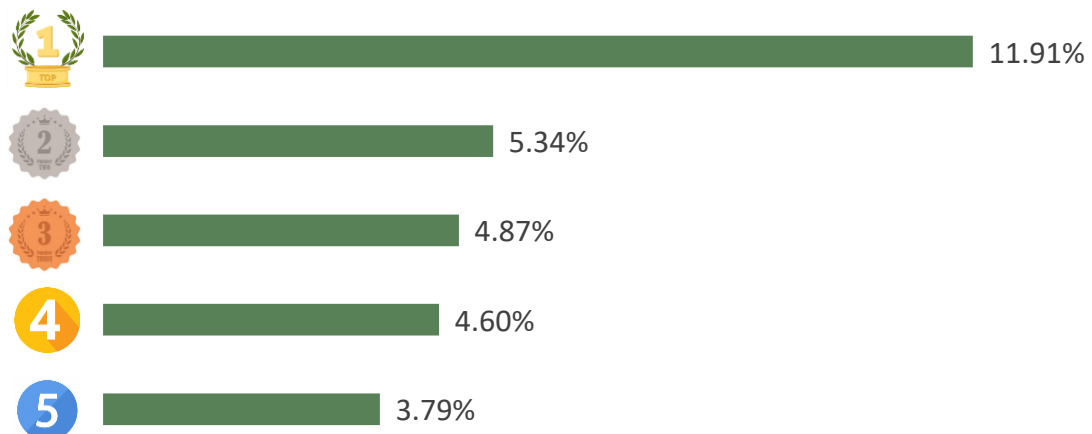
Điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2023 ở mức **7.900 USD/tấn**; tăng **10,2%** so với tháng trước; và tăng **34,4%** so với cùng kỳ năm 2022.

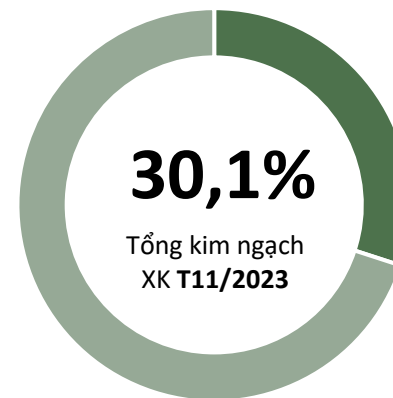


ĐIỀU

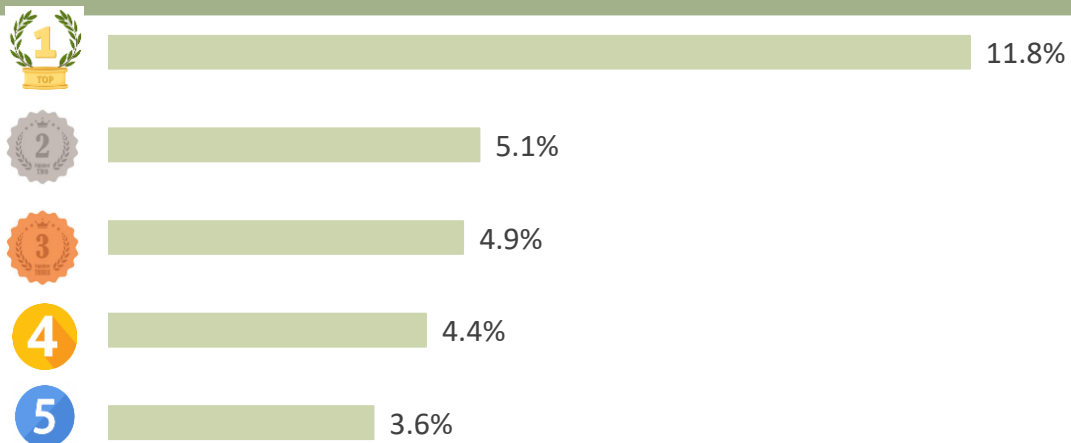
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



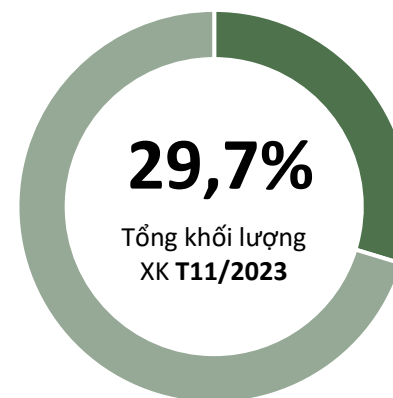
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng XK sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc, T11/2023





ĐIỀU



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG ĐIỀU TRUNG QUỐC

Từ tháng 1 đến tháng 10 của năm 2023, Trung Quốc nhập khẩu 85.307 tấn hạt điều, trị giá hơn 522,3 triệu USD, tăng 43,1% về lượng và tăng 47,2% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Hiện nay, Trung Quốc chiếm 16,5% về sản lượng và 17,7% về kim ngạch trong cơ cấu các thị trường nhập khẩu hạt điều Việt Nam trong 10 tháng của năm 2023. Giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này đạt 6.123 USD/tấn, tăng 2,8% so với cùng kỳ.

Nguồn: Vietnamnet

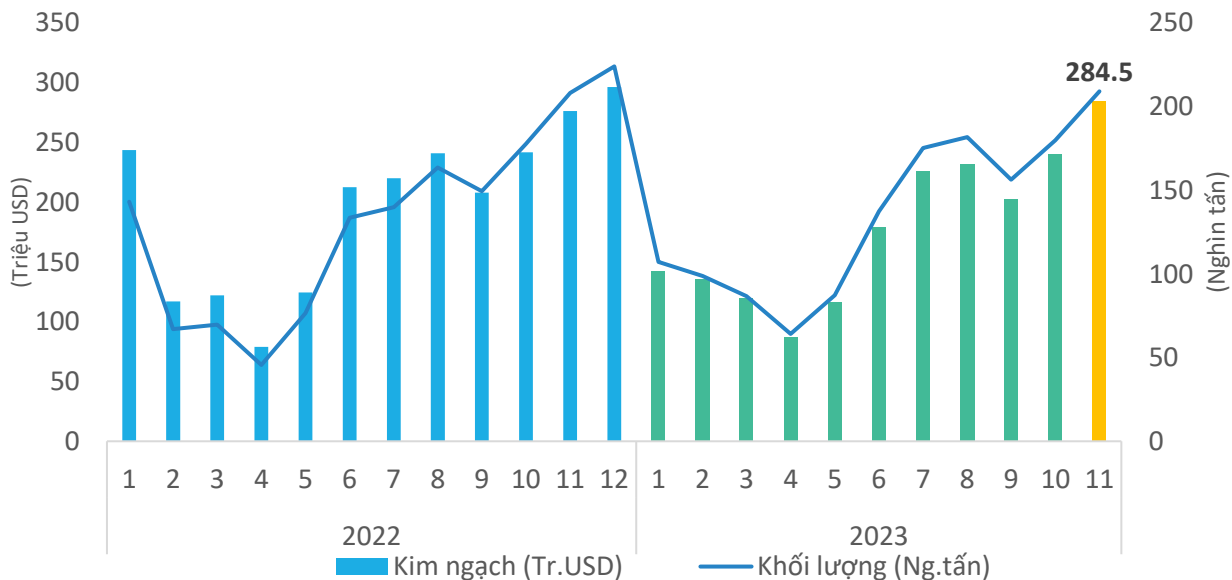


Tin liên quan



CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T11/2023

KIM NGẠCH

284,5 triệu USD

↗ Tăng **18,3%** so với T10/2023

↗ Tăng **2,9%** so với T11/2022

↑ Cao hơn **86 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 11 tháng 2023 đạt **1,97 tỷ USD**, đạt **82,5%** kim ngạch năm 2022

KHỐI LƯỢNG

209,1 nghìn tấn

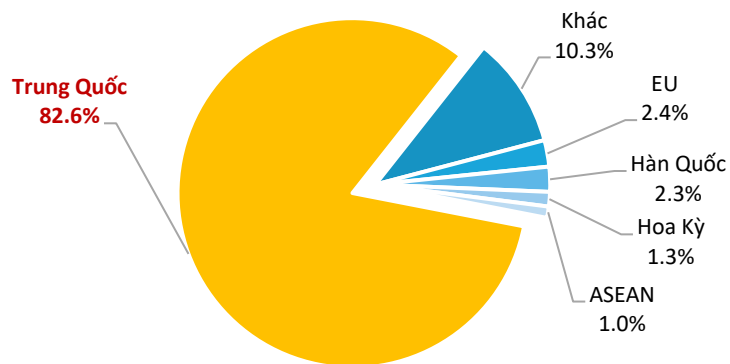
↗ Tăng **16,3%** so với T10/2023

↗ Tăng **0,4%** so với T11/2022

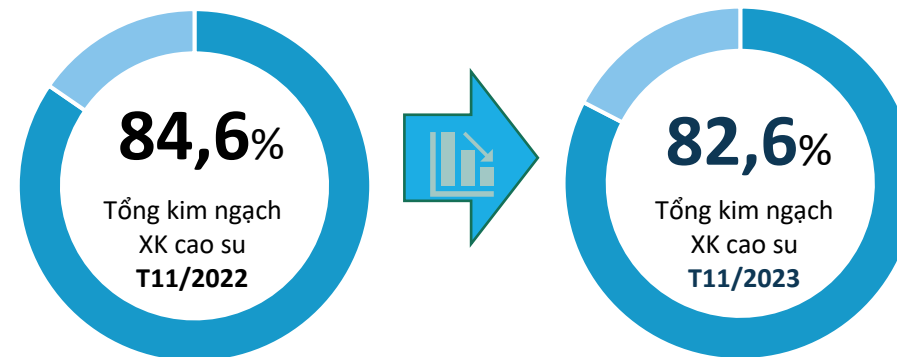
↑ Cao hơn **76 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 11 tháng 2023 đạt **1,48 triệu tấn**, đạt **92,8%** khối lượng năm 2022

Tỷ trọng giá trị cao su Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



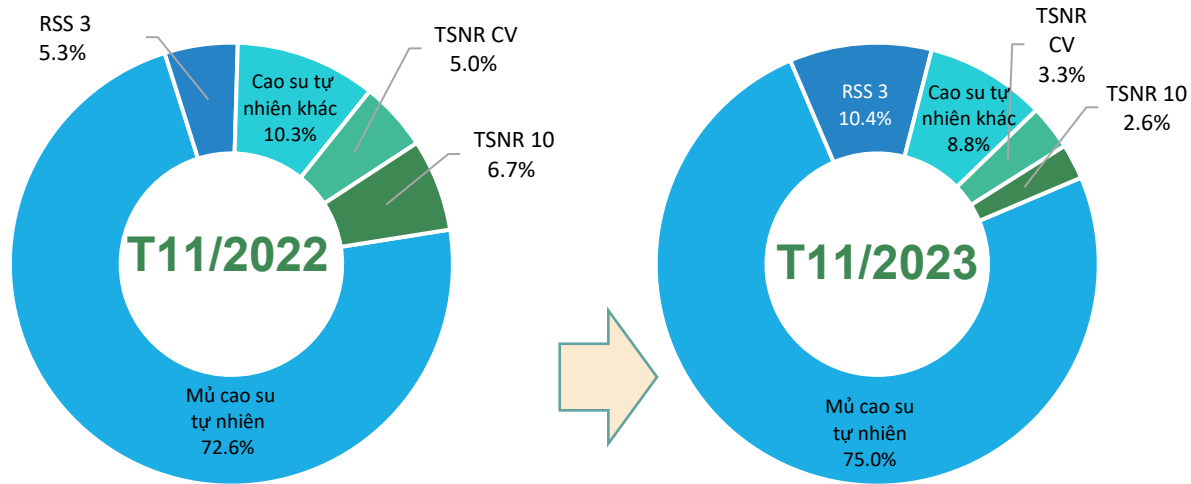
Biến động tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường Trung Quốc, T11/2023





CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **28,45** triệu USD
 Tăng **40,3%** so với T10/2023
 Tăng **37,7%** so với T11/2022



RSS 3

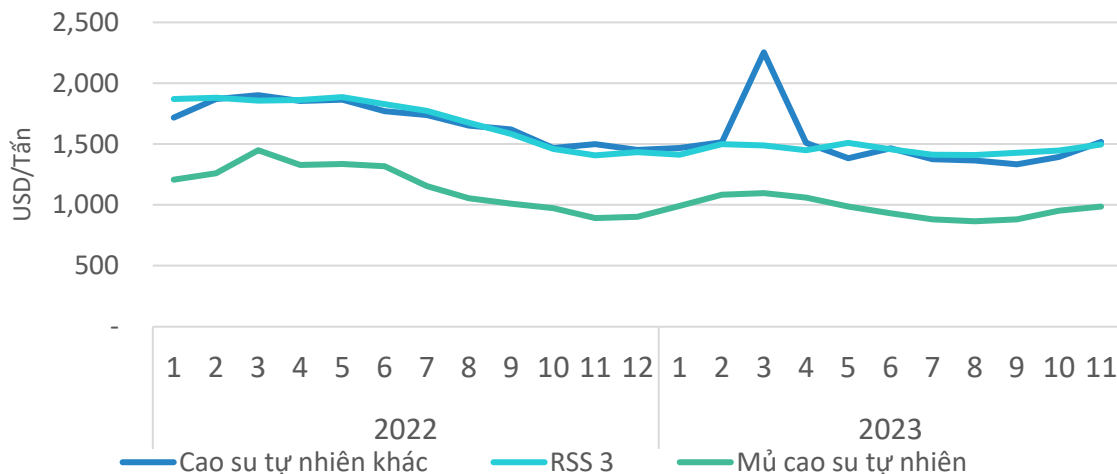
Kim ngạch: **3,94** triệu USD
 Tăng **67,4%** so với T10/2023
 Tăng **159,6%** so với T11/2022



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **3,34** triệu USD
 Tăng **5,5%** so với T10/2023
 Tăng **14,1%** so với T11/2022

Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2023 ở mức **985 USD/tấn**; **tăng 3,4%** so với tháng trước; và **tăng 10,3%** so với cùng kỳ năm 2022.

RSS 3

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2023 ở mức **1.495 USD/tấn**; **tăng 3,3%** so với tháng trước; và **tăng 6,2%** so với cùng kỳ năm 2022.

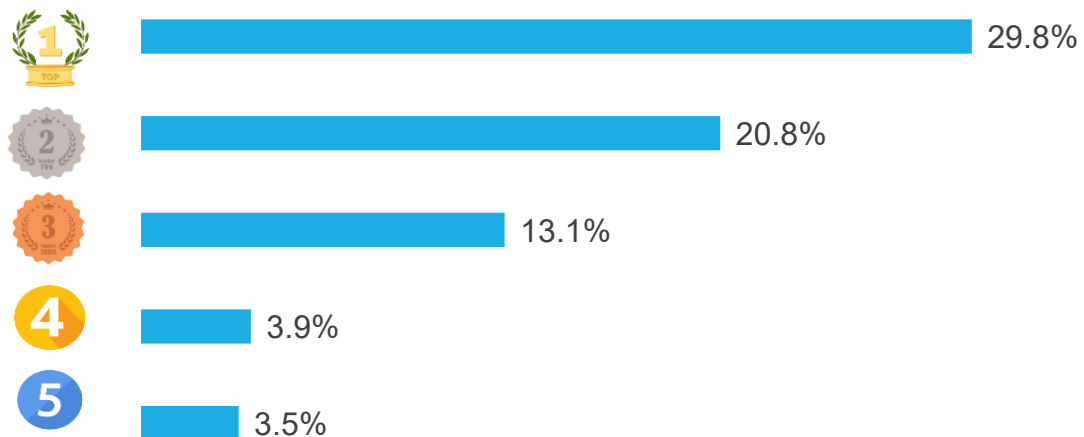
Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2023 ở mức **1.516 USD/tấn**; **tăng 8,7%** so với tháng trước; và **tăng 1,1%** so với cùng kỳ năm 2022.

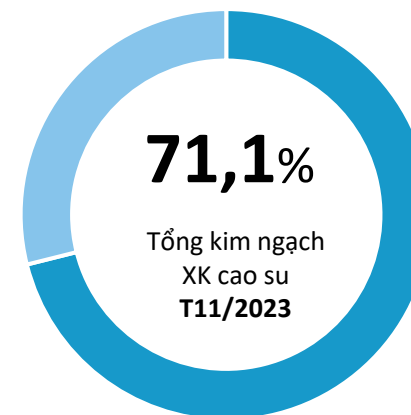


CAO SU

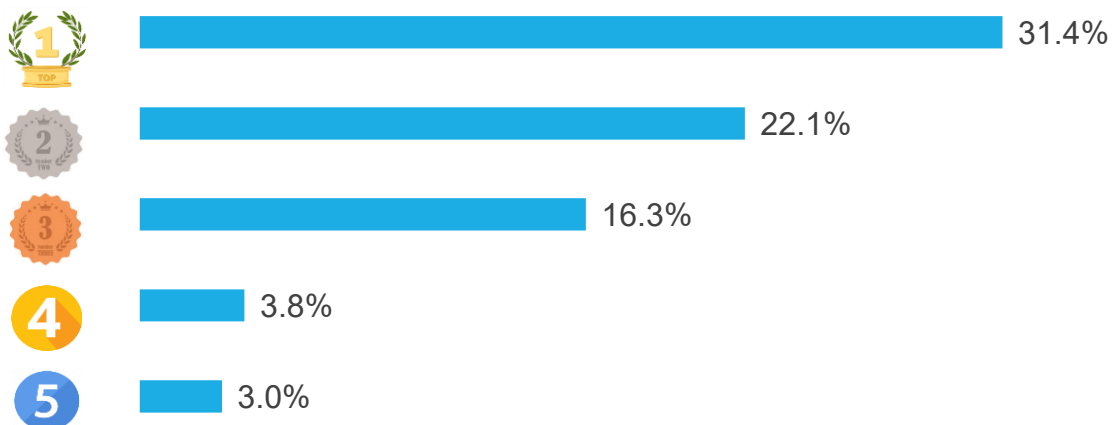
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



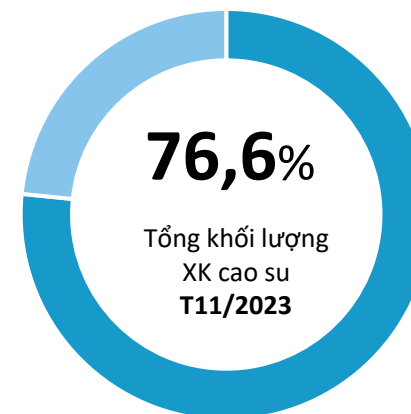
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T11/2023





CAO SU

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU TRUNG QUỐC

❖ Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, tháng 11/2023, Trung Quốc nhập khẩu 685 nghìn tấn cao su tự nhiên và tổng hợp (kể cả mủ cao su), với trị giá 1.013,8 triệu USD, giảm 7,3% về lượng và giảm 9,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 11 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc nhập khẩu trên 7,23 triệu tấn cao su tự nhiên và tổng hợp (kể cả mủ cao su), với trị giá 10,61 tỷ USD, tăng 9,6% về lượng, nhưng giảm 10,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc

❖ Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, trong tháng 11/2023, sản lượng lốp xe cao su ở Trung Quốc đạt 86,42 triệu chiếc, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Từ tháng 01 đến tháng 11, sản lượng vỏ lốp cao su tăng 14,4% lên 902,42 triệu chiếc so với cùng kỳ năm ngoái.

Nguồn: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc

❖ Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, tháng 11/2023, khối lượng xuất khẩu lốp cao su của Trung Quốc đạt 760 nghìn tấn, tăng 34,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Từ tháng 1 đến tháng 11 năm 2023, tổng khối lượng xuất khẩu lốp cao su của Trung Quốc đạt 8,12 triệu tấn, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc

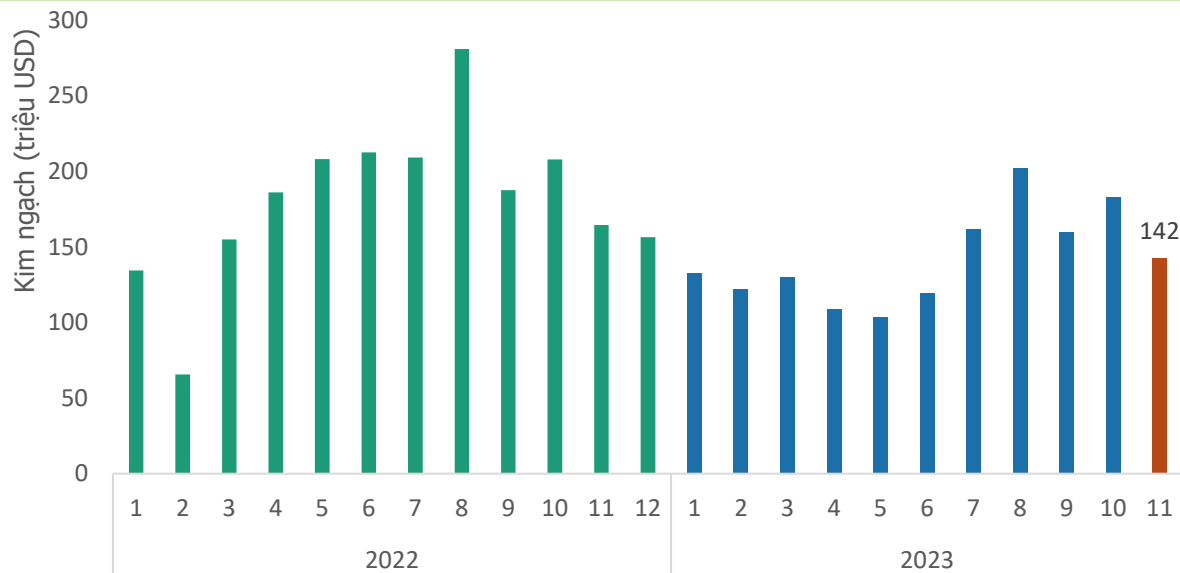


Tin liên quan



GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T11/2023

KIM NGẠCH



142

triệu USD

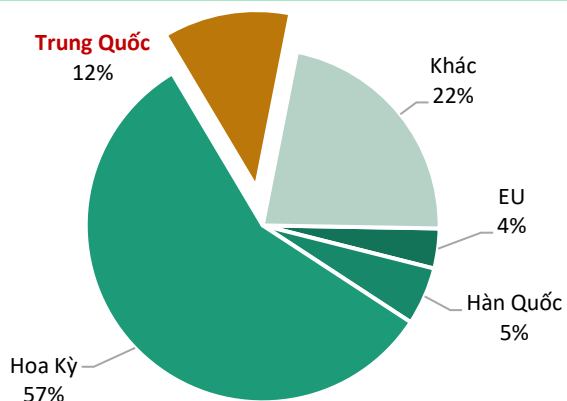
↘ Giảm **22,2%** so với T10/2023

↘ Giảm **13,5%** so với T11/2022

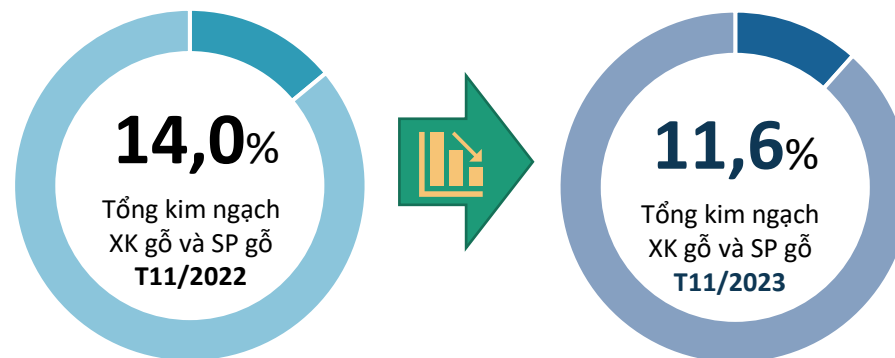
↓ Thấp hơn **38 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

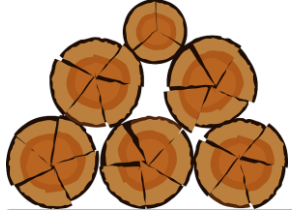
Lũy kế 11 tháng đạt **1,6 tỷ USD**, đạt **72,2%** kim ngạch 2022

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



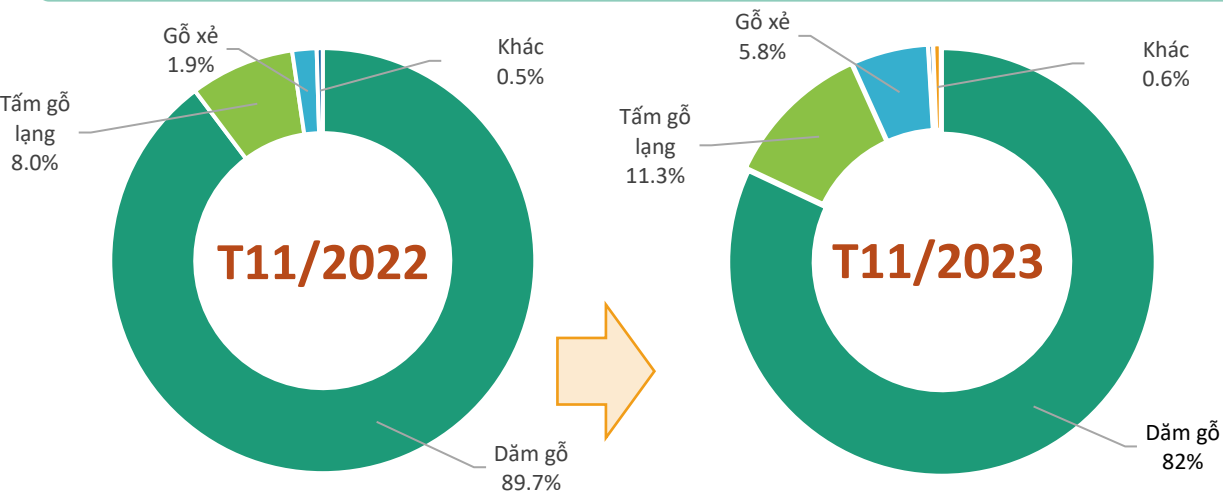
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T11/2023





GỠ VÀ SP GỠ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



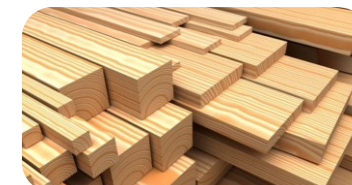
Dăm gỗ

Kim ngạch: **113,6** Triệu USD
 Tăng **7112** lần so với T10/2023
 Giảm **20%** so với T11/2022



Tấm gỗ lạng

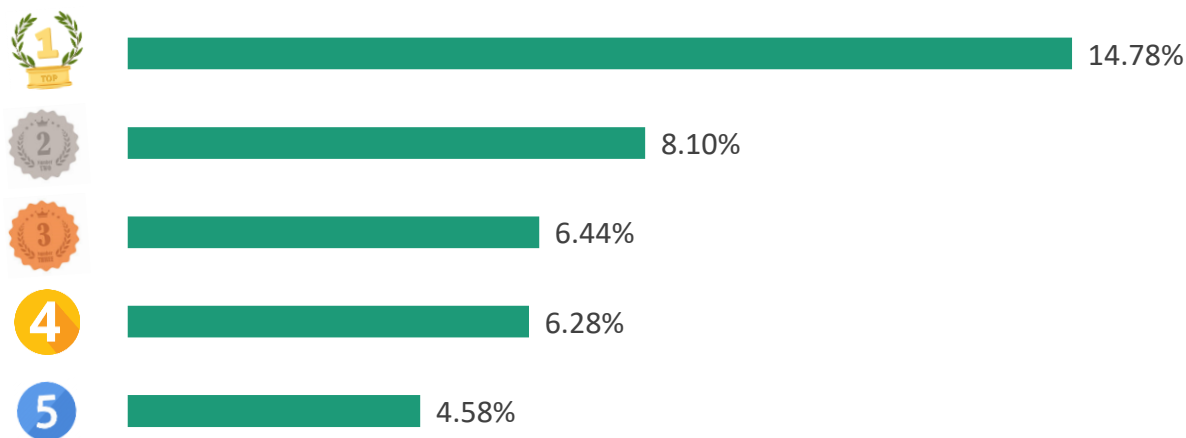
Kim ngạch: **15,6** Triệu USD
 Giảm **22%** so với T10/2023
 Tăng **23%** so với T11/2022



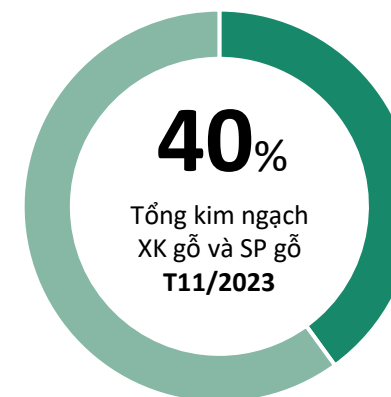
Gỗ xẻ

Kim ngạch: **8,1** Triệu USD
 Tăng **78%** so với T10/2023
 Tăng **174%** so với T11/2022

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK thị trường Trung Quốc, T11/2023





GỖ VÀ SP GỖ



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TRUNG QUỐC

Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 10 tháng của năm 2023, nhập khẩu gỗ tròn từ New Zealand ở mức 14,51 triệu m³, tăng nhẹ 1,1% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 46% tổng lượng nhập khẩu gỗ tròn của Trung Quốc.

Xuất khẩu đồ gỗ nội thất của Trung Quốc đã giảm trong 10 tháng của năm 2023. Cụ thể, xuất khẩu đồ gỗ nội thất của Trung Quốc ước đạt 19,35 tỷ USD, giảm 9% so với cùng kỳ năm trước. Hoa Kỳ vẫn tiếp tục là thị trường nhập khẩu đồ gỗ nội thất lớn nhất của Trung Quốc với 5,64 tỷ USD, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước.

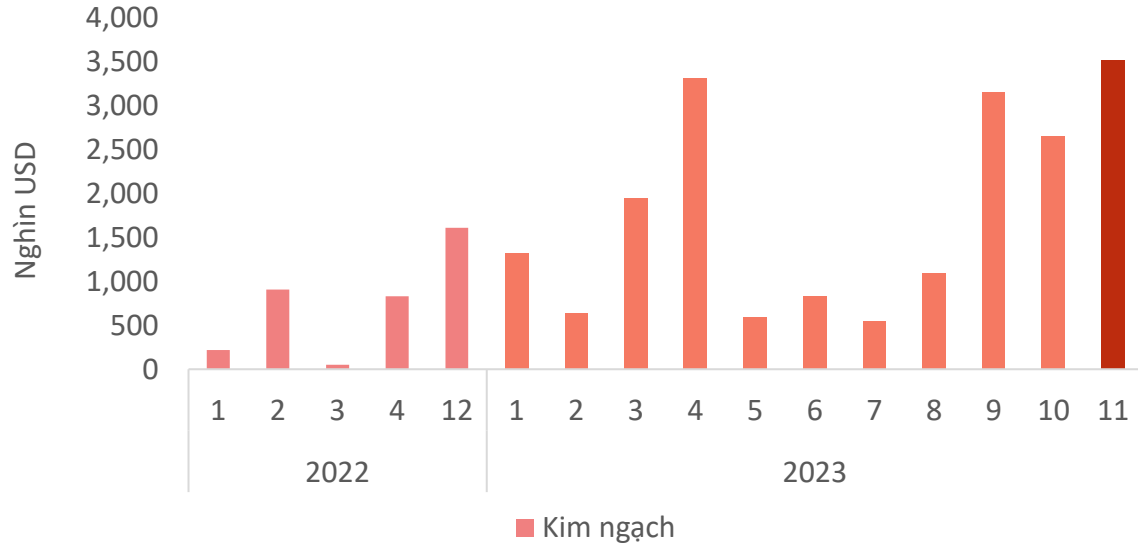


Tin liên quan



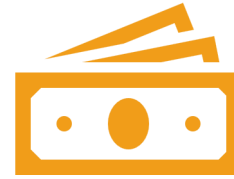
THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Trung Quốc, T11/2023

KIM NGẠCH



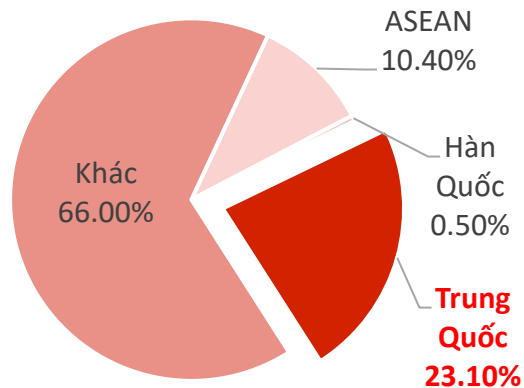
3,5
triệu USD

↗ Tăng **32%** so với T10/2023

↗ Cao hơn **2,8 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 11 tháng đạt **19,6 triệu USD**, đạt **542%** kim ngạch 2022

Tỷ trọng giá trị thịt và SP từ thịt của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



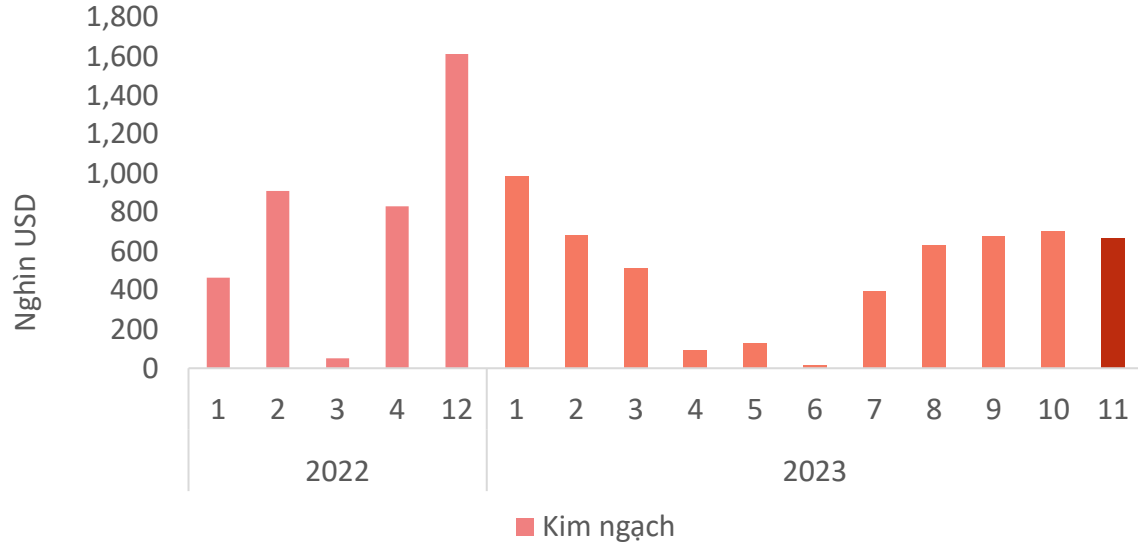
Biến động tỷ trọng giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



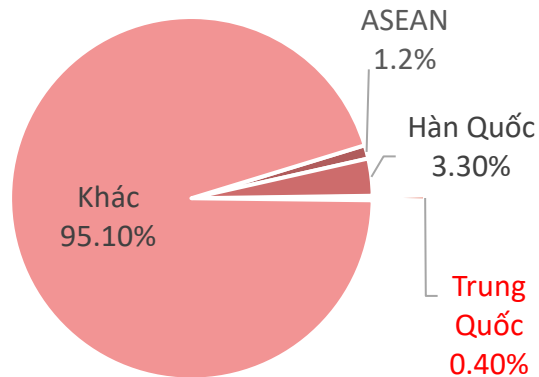


THỊT VÀ SP TỪ THỊT (NK)

Giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Trung Quốc, T11/2023



Tỷ trọng giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Trung Quốc, T11/2023

KIM NGẠCH



666
nghìn USD

↘ Giảm **5%** so với T10/2023

↘ Giảm **26,3%** so với T11/2022

↗ Cao hơn **20,2** nghìn USD so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 11 tháng đạt **5,5 triệu USD**, đạt **71%** kim ngạch 2022

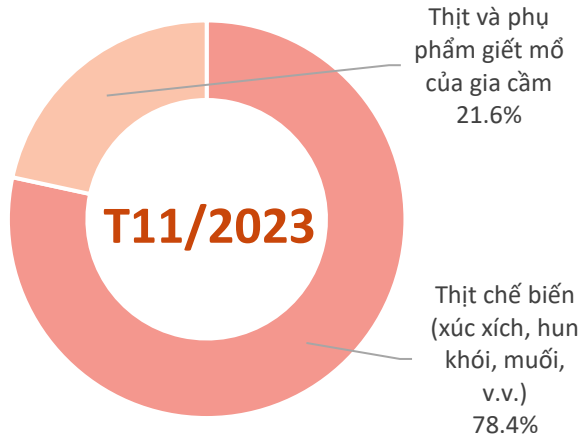
Biến động tỷ trọng giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam từ thị trường Trung Quốc, T11/2023





THỊT VÀ SP TỪ THỊT

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt XK sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm

Kim ngạch: **761** nghìn USD

Tăng **218%** so với T10/2023

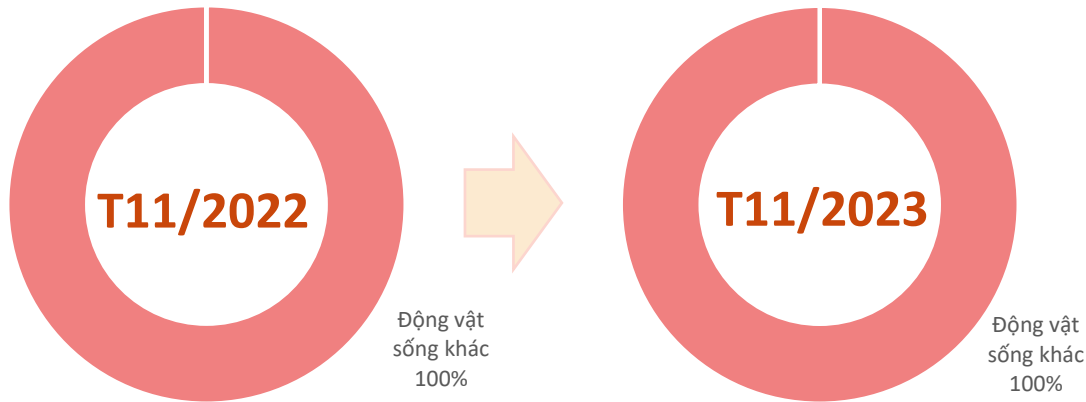


Thịt chế biến

Kim ngạch: **2,8** triệu USD

Tăng **14%** so với T10/2023

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt NK từ thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Trung Quốc, T11/2023



Động vật sống khác

Kim ngạch: **666,3** nghìn USD

Giảm **5%** so với T10/2023

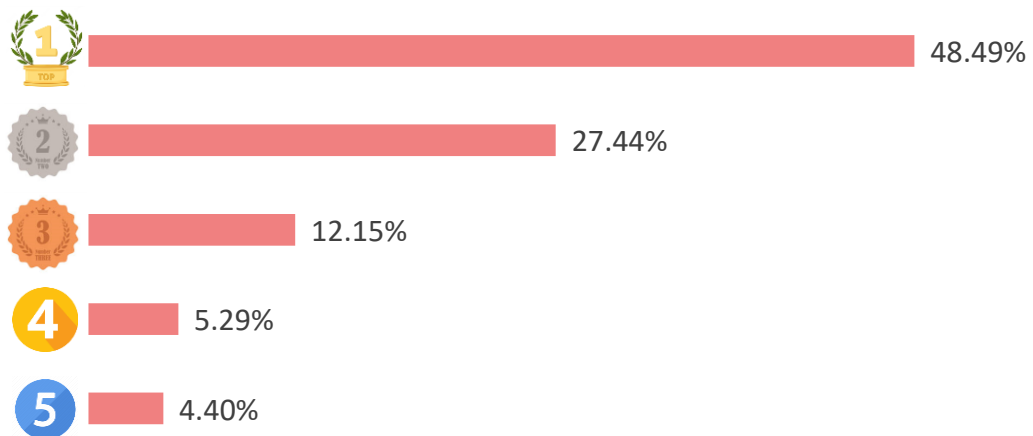
Giảm **26%** so với T11/2022



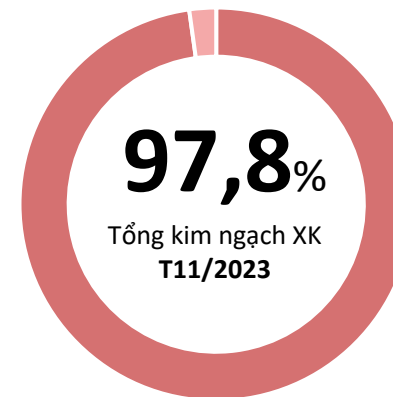


THỊT VÀ SP TỪ THỊT

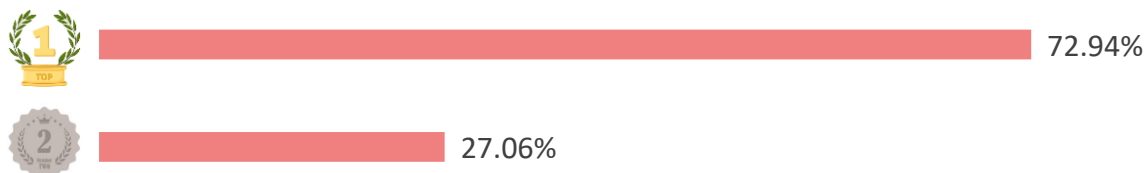
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



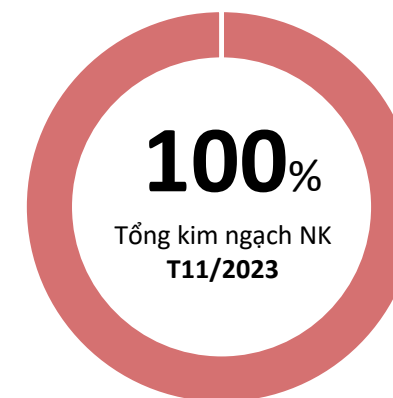
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất từ thị trường Trung Quốc, T11/2023



TOP 2 doanh nghiệp về kim ngạch nhập khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất từ thị trường Trung Quốc, T11/2023



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 2 doanh nghiệp nhập khẩu lớn nhất từ thị trường Trung Quốc, T11/2023





THỊT VÀ SP TỪ THỊT

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG THỊT VÀ SP TỪ THỊT TRUNG QUỐC



Giá lợn hơi bình quân của Trung Quốc đang ở mức thấp hơn nhiều so với chi phí sản xuất. Chỉ trong ba tháng qua, giá thịt lợn đã giảm 15% xuống còn 14,5 nhân dân tệ (2,05 USD)/kg.

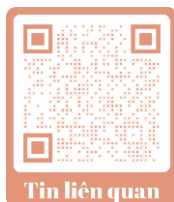
Giá lợn sống tương lai được giao dịch sôi động nhất trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đã giảm 7,3% kể từ đầu tuần trước xuống còn 13.910 CNY/tấn, (1.949 USD/tấn), đây cũng là mức thấp nhất kể từ khi lợn sống bắt đầu giao dịch gần ba năm trước.

Sự sụt giảm này đã gây thêm khó khăn cho Trung Quốc khi nước này nỗ lực đẩy giá thịt lợn lên bằng cách mua bổ sung thịt lợn vào kho dự trữ. Ngay cả khi mùa Đông tới, vốn được xem là mùa cao điểm tiêu thụ thịt lợn, giá thịt cũng không có dấu hiệu phục hồi.

Nguồn: Baomoi.com

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, giá thịt lợn giữa tháng 11/2023 tại nước này đã giảm 0,7% so với đầu tháng. Thông thường, tiêu thụ thịt lợn tại Trung Quốc sẽ tăng trong những tháng mùa Đông nhờ nhu cầu cho Tết Nguyên đán. Tuy nhiên, một số chuyên gia dự báo nhu cầu thịt lợn tại nước này năm nay sẽ giảm đáng kể. Hiện nay, nguồn cung thịt lợn từ các trang trại chăn nuôi lớn đang cao. Lượng thịt lợn nhập khẩu của Trung Quốc đang có xu hướng chậm lại trong mấy tháng gần đây do nhu cầu yếu.

Nguồn: Nhachannuoi.vn

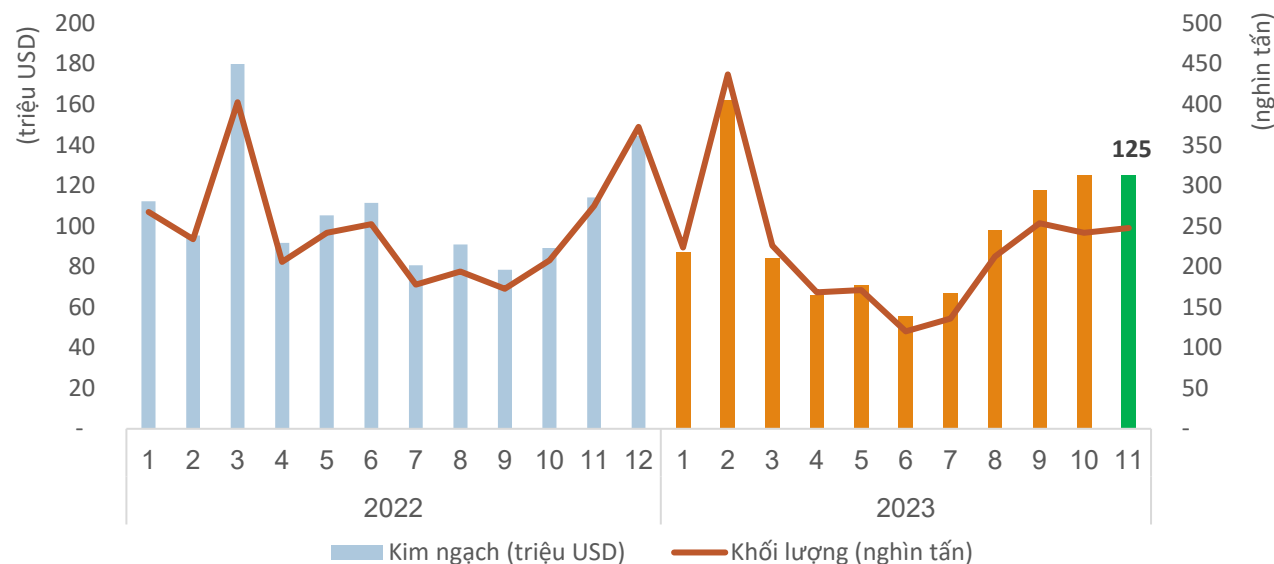


Tin liên quan



SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Khối lượng và giá trị sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T11/2023

KIM NGẠCH

124,8 triệu USD

↘ Giảm **0,1%** so với T10/2023

↗ Tăng **9,4%** so với T11/2022

↗ Cao hơn **17,03** triệu USD so với bình quân năm 2022

❖ Lũy kế 11 tháng 2023 đạt **1,056** tỷ USD, đạt **81,7%** kim ngạch năm 2022

KHỐI LƯỢNG

247,6 nghìn tấn

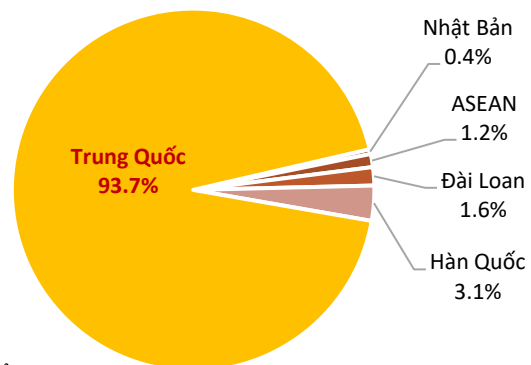
↗ Tăng **2,5%** so với T10/2023

↘ Giảm **9,8%** so với T11/2022

↘ Thấp hơn **2,43** nghìn tấn so với bình quân năm 2022

❖ Lũy kế 11 tháng 2023 đạt **2,44** tr.tấn, đạt **81,2%** khối lượng năm 2022

Tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



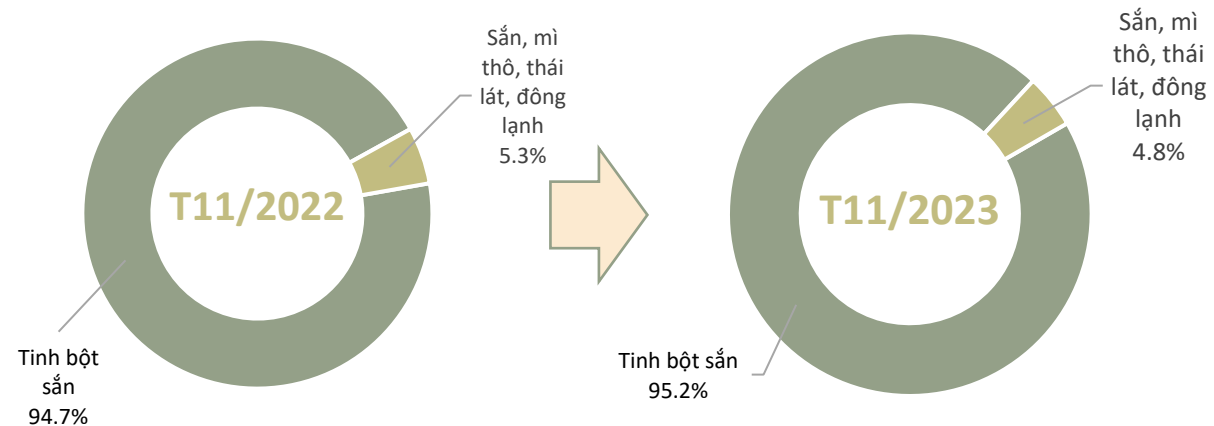
Biến động tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T11/2023





SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Cơ cấu chủng loại sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc T11/2023



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc T11/2023



Sản thô, thái lát, đông lạnh

Kim ngạch: **5,98** triệu USD

Giảm **5,7%** so với T10/2023

Giảm **1,2%** so với T11/2022



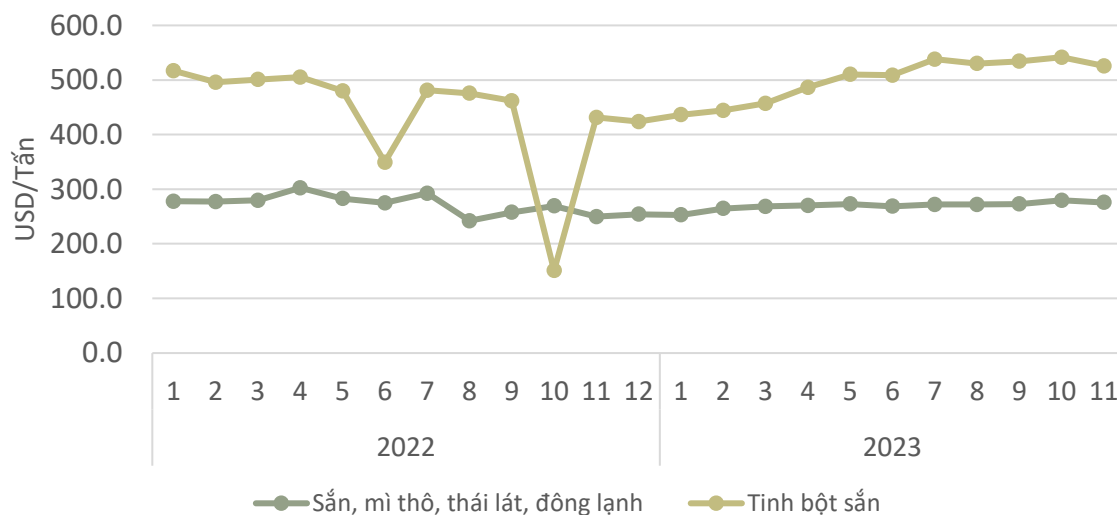
Tinh bột sản

Kim ngạch: **119,1** triệu USD

Tăng **0,5%** so với T10/2023

Tăng **9,0%** so với T11/2022

Giá sản và SP từ sản XK bình quân sang thị trường Trung Quốc T11/2023



Tinh bột sản

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2023 ở mức **525,8** USD/tấn; giảm **2,9%** so với tháng trước; và tăng **21,9%** so với cùng kỳ năm 2022.

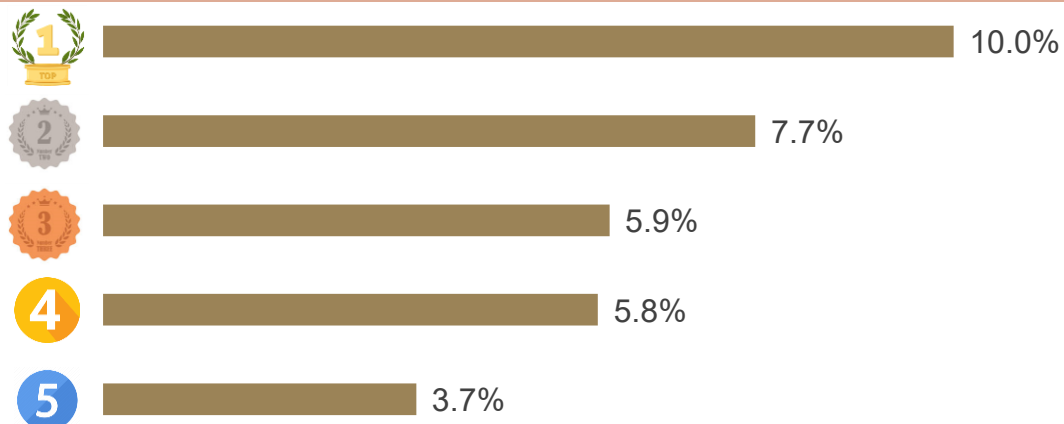
Sản thô, thái lát, đông lạnh

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2023 ở mức **275,7** USD/tấn; giảm **1,4%** so với tháng trước; và tăng **10,4%** so với cùng kỳ năm 2022.

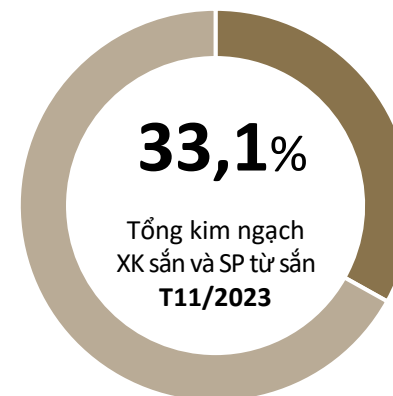


SẴN VÀ SP TỪ SẴN

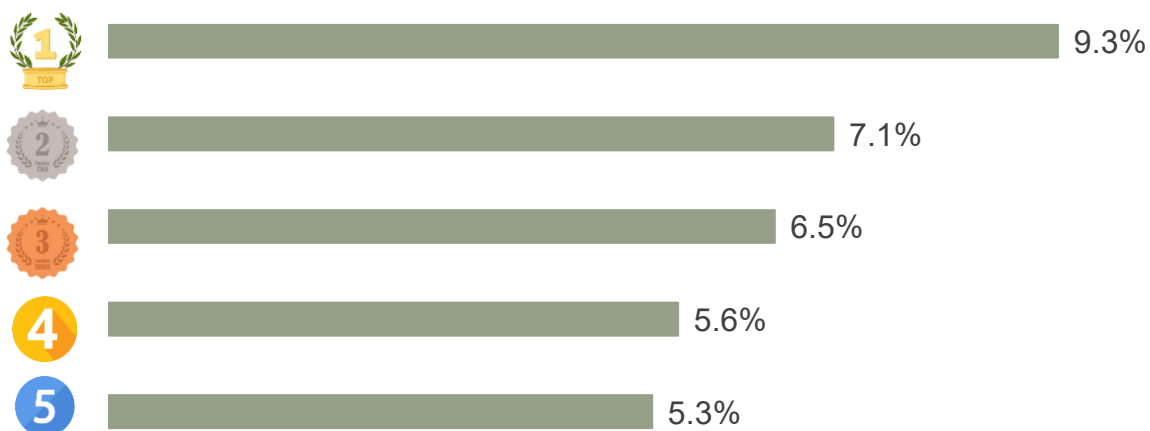
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



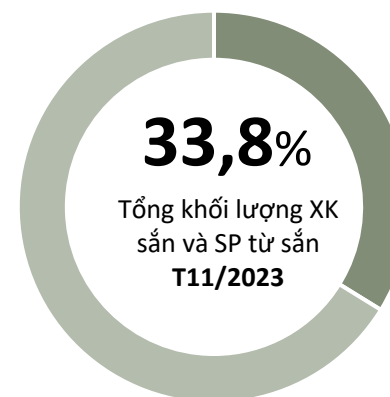
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



TOP 5 DN về khối lượng XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T11/2023



SẴN VÀ SP TỪ SẴN



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG SẴN VÀ SP TỪ SẴN TRUNG QUỐC



Trong tháng 11/2023, nhập khẩu sắn lát khô của Trung Quốc đạt 158,33 nghìn tấn, trị giá 45,4 triệu USD, giảm lần lượt là 41,56% và 41,31% so với cùng kỳ năm ngoái.

Lũy kế đến tháng 11 năm 2023, nhập khẩu sắn lát khô của Trung Quốc là 5,51 triệu tấn, trị giá 1,52 tỷ USD, giảm lần lượt là 18,13% và 21,28% so với cùng kỳ năm ngoái. Trung Quốc nhập khẩu chủ yếu sắn lát khô từ Thái Lan (chiếm 86,98% tổng lượng nhập khẩu), Việt Nam (12,71%), Lào (0,20%), Campuchia (0,10%) và Nigeria (0,01%).



Trong tháng 11/2023, lượng nhập khẩu tinh bột sắn của Trung Quốc là 410,33 nghìn tấn, tăng 33,2% so với tháng trước; giảm 5,12 % so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong năm 2023, tổng lượng nhập khẩu tinh bột sắn đến tháng 11 của nước này đạt 2,955 triệu tấn, giảm 24,36% so với cùng kỳ năm ngoái. Trung Quốc chủ yếu nhập khẩu tinh bột sắn từ Thái Lan (chiếm 58,67% tổng lượng nhập khẩu), Việt Nam (31,03%), Lào (6,06%), Indonesia (3,15%) và Campuchia (1,08%).

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc



Ipsard

AGRO@INFO

Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinthitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo